

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

PHÙNG ĐỨC KHIÊM

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN
CÔNG TỐ ÁN XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP
TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA**

Chuyên ngành : Luật Hình sự và tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: GS.TS. VÕ KHÁNH VINH

Hà Nội, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Tác giả luận văn

PHÙNG ĐỨC KHIÊM

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ÁN XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA	8
1.1. Khái niệm thực hành quyền công tố án xâm phạm Hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra.....	8
1.2. Về thẩm quyền điều tra và thẩm quyền thực hành quyền công tố án xâm phạm Hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra.....	14
1.3. Khái niệm chất lượng và chất lượng thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm Hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân tối cao ở Việt Nam..	15
1.4. Tiêu chí đánh giá chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm Hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra.....	16
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng, tác động đến chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm Hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra.....	22
Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ÁN XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA.....	28
2.1. Khái quát tình hình tội xâm phạm Hoạt động tư pháp	28
2.2. Đánh giá thực trạng chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm Hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra.....	36
Chương 3: QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ÁN XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA.....	57
3.1. Quan điểm về nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra.....	57
3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra	60
3.3. Nhóm các giải pháp khác	75
KẾT LUẬN	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	80

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật hình sự
CQĐT	Cơ quan điều tra
ĐTƯ	Điều tra viên
HĐTP	Hoạt động tư pháp
KSV	Kiểm sát viên
TAND	Tòa án nhân dân
THQCT	Thực hành quyền công tố
TTHS	Tố tụng hình sự
VKS	Viện kiểm sát
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
VKSTC	Viện kiểm sát tối cao

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng	Trang
Bảng 2.1: Thống kê số liệu án xâm phạm hoạt động tư pháp do Cục 1, VKSND tối cao khởi tố mới từ năm 2011	...29
Bảng 2.2: Cơ cấu tội phạm án xâm phạm hoạt động tư pháp do Cục 1, VKSND tối cao khởi tố điều tra từ năm 2011	...30
Bảng 2.3: So sánh tỉ lệ án xâm phạm hoạt động tư pháp trong tổng số án thụ lý Thực hành quyền công tố của VKSND tối cao từ năm 2011	...37
Bảng 2.4: Thống kê số liệu thụ lý KSĐT các tội xâm phạm hoạt động tư pháp của VKSND từ năm 2011	...38
Bảng 2.5: Thống kê số liệu kiểm sát bắt tạm giam bị can án xâm phạm hoạt động tư pháp từ năm 2011	...40
Bảng 2.6: Thống kê số liệu án xâm phạm hoạt động tư pháp do Vụ 6, VKSND tối cao thụ lý giải quyết từ năm 2011	...41

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trước tình hình tội phạm gia tăng trên nhiều lĩnh vực, toàn ngành Kiểm sát quán triệt Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị, hoạt động THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giai đoạn điều tra đã có những chuyển biến mạnh mẽ và tích cực. VKSND đã tích cực triển khai các biện pháp quản lý và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm, phối hợp chặt chẽ với CQĐT, nâng cao trách nhiệm trong việc phê chuẩn bắt, tạm giữ, tạm giam, tăng cường kiểm sát việc khởi tố và kiểm sát các hoạt động tố tụng của CQĐT, khắc phục tình trạng hình sự hoá các quan hệ dân sự, kinh tế. Do đó, việc khởi tố điều tra, truy tố các vụ án xâm phạm HĐTP trong những năm qua đã đảm bảo chất lượng, thời hạn tố tụng, truy tố người phạm tội có căn cứ và đúng pháp luật. VKS đã chú trọng theo dõi, tích lũy, tập hợp các vi phạm pháp luật của CQĐT để kiến nghị khắc phục, các kiến nghị của VKS được CQĐT tiếp thu sửa chữa. Công tác phòng ngừa tội phạm của VKSND từng bước được chú trọng.

Mặc dù, đã có nhiều cố gắng trong công tác THQCT ở giai đoạn điều tra các vụ án hình sự nói chung, các vụ án về xâm phạm HĐTP nói riêng. Nhưng bên cạnh những thành tích đã đạt được đó, trong công tác thực hành quyền công tố vẫn để xảy ra một số trường hợp Kiểm sát viên được phân công kiểm sát điều tra vụ án, chưa kịp thời kiểm sát điều tra, THQCT vụ án ngay từ đầu. Kiểm sát viên đề ra yêu cầu điều tra chưa đảm bảo chất lượng, có nội dung không cần thiết hoặc có nội dung Điều tra viên không thể thực hiện được, dẫn đến tình trạng kéo dài thời hạn điều tra vụ án. Đặc biệt, để xảy ra một số trường hợp khởi tố thiếu căn cứ dẫn đến phải đình chỉ điều tra vụ án. Một số vụ án oan sai, xâm phạm đến thân thể nhân phẩm công dân và xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp. Mới đây nhất để xảy ra việc khởi tố oan sai vụ án “Kinh doanh trái phép” (*quán cà phê Xin Chào*), “Xây dựng nhà ở trái phép” xảy ra tại huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, khởi tố, bắt giam oan vụ án “Chống người thi hành công vụ” (*người tố cáo cát tặc bị bắt và khởi tố*) ở tỉnh Đồng Nai; vụ án 7 thanh niên (tỉnh Sóc Trăng) bị khởi tố, bắt giam oan sai về tội giết người... và xa hơn nữa, có một số vụ án đã xét xử cách đây gần 20 năm, nhưng giờ đây

hậu quả xã hội đang phải gánh chịu, bản thân người bị kết án oan, gia đình dòng họ phải đón đau chịu đựng đó là các cơ quan tố tụng để xảy ra oan sai hai vụ án điển hình đó là vụ án Nguyễn Thanh Chân (Bắc Giang) bị tù oan 10 năm về tội giết người; vụ Huỳnh Văn Nén (Bình Thuận) bị tù oan 17 năm, tội giết người, cướp tài sản, hai vụ án trên lỗi đều do Điều tra viên làm sai lệch hồ sơ vụ án và có biểu hiện của việc bức cung, nhục hình, có trường hợp có tính vụ lợi.... Ngoài ra, để xảy ra oan sai còn có một số nguyên nhân khác đó là do Điều tra viên nôn nóng phá án, một số do ý thức pháp luật kém... dẫn đến có hành vi vi phạm pháp luật như bức cung, nhục hình. Để xảy ra việc oan sai trong quá trình điều tra, mặc dù có lỗi của CQĐT nhưng trách nhiệm của Kiểm sát viên lại là rất lớn. KSV thực hiện công tác THQCT đối với vụ án đã không làm tròn chức năng, nhiệm vụ, thậm chí thiếu trách nhiệm... mà dẫn đến việc phê chuẩn quyết định khởi tố, các biện pháp ngăn chặn và ra quyết định truy tố oan sai. Hành vi vi phạm pháp luật của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp, là các tội xâm phạm hoạt động tư pháp được quy định tại Chương XXII của BLHS (các tội xâm phạm hoạt động tư pháp). Hậu quả của tội xâm phạm hoạt động tư pháp gây ra hết sức nặng nề về danh dự, nhân phẩm cũng như vật chất đối với người bị bắt, bị khởi tố, điều tra oan, sai. Hơn nữa, còn làm ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín của ngành Kiểm sát nói riêng và các cơ quan bảo vệ pháp luật nói chung trước quần chúng nhân dân và dư luận xã hội.

Xử lý nghiêm đối với các vụ án xâm phạm hoạt động tư pháp (người phạm tội là cán bộ tư pháp) là biện pháp tác động hiệu quả nhất đến việc chống oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Khi các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán thực thi nhiệm vụ không vi phạm pháp luật, thì không còn xảy ra tội xâm phạm hoạt động tư pháp. Đồng nghĩa với việc không còn xảy ra các vụ án oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

Trọng trách đấu tranh đối với tội xâm phạm hoạt động tư pháp được Quốc hội giao cho Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Từ khi có cơ quan điều tra chuyên trách, các vụ án về tội xâm phạm hoạt động tư pháp được phát hiện xử lý nhiều hơn, góp phần làm trong sạch đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp.

Việc nghiên cứu đánh giá đúng thực trạng hoạt động của VKSND trong THQCT án xâm phạm hoạt động tư pháp trong những năm gần đây (2010 - 6/2015); làm rõ

những kết quả đã đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những kết quả đã đạt được, nguyên nhân của những thiếu sót, tồn tại làm cơ sở cho việc đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của VKSND trong THQCT án xâm phạm hoạt động tư pháp. Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 2/1/2002 của Bộ chính trị đã đặt ra yêu cầu : *“Tăng cường công tác kiểm sát việc bắt, giam, giữ, bảo đảm đúng pháp luật; những trường hợp chưa cần bắt, tạm giữ, tạm giam thì kiên quyết không phê chuẩn lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan, sai trong bắt, giữ. Viện kiểm sát các cấp chịu trách nhiệm về những oan, sai trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc phạm vi thẩm quyền phê chuẩn của mình”* [8, tr.15].

Với những lý do nói trên, tác giả lựa chọn đề tài: *“Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra”* làm luận văn Thạc sĩ Luật học là đáp ứng yêu cầu cấp thiết hiện nay, góp phần xử lý kịp thời, nghiêm minh các tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình mới.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Liên quan đến đề tài nghiên cứu hiện nay có một số công trình ở các mức độ khác nhau đề cập đến vấn đề này. Có thể liệt kê một số công trình sau:

- *Thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự của Viện kiểm sát* (Tạp chí Luật học số 01/2004) của TS. Hoàng Thị Minh Sơn;
- *Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp góp phần đẩy mạnh cải cách tư pháp* (Tạp chí Nhà nước và Pháp luật số 01/2003) của tác giả Hà Mạnh Trí;
- *“Giải quyết vấn đề lý luận về Tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra”* theo yêu cầu cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập quốc tế (năm 2012 tác giả Trần Ngọc Hương, Chuyên đề nhánh trong Đề án *Đổi mới tổ chức và hoạt động của VKSND nhằm thực hiện chủ trương “Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt*

động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra” theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng – VKSND tối cao năm 2012);

- *Hoạt động tư pháp và kiểm sát các hoạt động tư pháp của tác giả Nguyễn Tất Viễn (Kỷ yếu đề tài cấp Bộ “Những giải pháp nâng cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp”, VKSNDTC, H.2002 – 2003);*

- *Một số vấn đề về hoạt động tư pháp và kiểm sát hoạt động tư pháp ở nước ta hiện nay của tác giả Trần Văn Độ (Kỷ yếu đề tài cấp Bộ “Những giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp”, VKSNDTC, H.2003);*

- *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đổi mới tổ chức và hoạt động của sVKSNDTC đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp – năm 2013 của tác giả Đặng Văn Khanh (Đề tài khoa học cấp Bộ);*

- *Thực hành Quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra (Nhà xuất bản Tư pháp, năm 2005) của TS. Lê Hữu Thê (chủ biên), TS.Đỗ Văn Dương, Th.S Nông Xuân Trường;*

- *Đề án Đổi mới tổ chức và hoạt động của VKSND nhằm thực hiện chủ trương “Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra” theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng - VKSNDTC năm 2012;*

- *Đề án “Đổi mới tổ chức và hoạt động của CQĐT VKSND theo yêu cầu cải cách tư pháp” – VKSNDTC năm 2012....*

Nhìn chung, các công trình kể trên, ở các mức độ khác nhau đã đề cập đến đề tài luận văn. Tuy nhiên, chưa có công trình nào trực tiếp nghiên cứu đến vấn đề hoạt động THQCT các tội xâm phạm HĐTP trong giai đoạn điều tra.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận và thực tiễn để nâng cao chất lượng công tác THQCT án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra, đề xuất các quan điểm và giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng THQCT án xâm phạm hoạt động tư

pháp, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm này, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên luận văn có những nhiệm vụ sau đây:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp; làm rõ khái niệm, đặc điểm của THQCT án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra, làm rõ; khái niệm, đặc điểm án xâm phạm hoạt động tư pháp; một số loại tội phạm cụ thể; thẩm quyền THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp; tiêu chí đánh giá chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân tối cao ở Việt Nam; các yếu tố ảnh hưởng tác động đến THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân tối cao ở Việt Nam.
- Tổng hợp, phân tích những vấn đề chung trong công tác THQCT án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra;
- Đánh giá đúng thực trạng THQCT án xâm phạm hoạt động tư pháp để rút ra những kết quả đã đạt được, nguyên nhân của những kết quả; những tồn tại, hạn chế, và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế;
- Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng THQCT án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu nhiệm vụ THQCT các vụ án xâm phạm hoạt động tư pháp, nhằm làm rõ bản chất của hoạt động này trong giai đoạn khởi tố, điều tra các vụ án xâm phạm hoạt động tư pháp. Luận văn cũng nghiên cứu thực trạng hoạt động THQCT các vụ án xâm phạm hoạt động tư pháp từ năm 2010 đến năm 2015. Trên cơ sở đó, chỉ ra những hạn chế của hoạt động này và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác THQCT án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra của Viện kiểm sát nhân dân.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Là những vấn đề lý luận và thực tiễn trong công tác THQCT án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra từ năm 2010 đến 2015 trên phạm vi cả nước. Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu chủ thể tội phạm là nhóm tội phạm do những người có chức vụ, quyền hạn trong hoạt động tư pháp thực hiện. Đó là: Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm, thư ký Tòa án, Cảnh sát tư pháp, Chấp hành viên, Giám thị và nhân viên trại giam.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đặc biệt là quan điểm của Đảng về cải cách tư pháp thể hiện trong Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ Chính trị “*Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới*” và Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị “*Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của triết học Mác - Lê nin; đồng thời sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể, như: phân tích, tổng hợp, phương pháp lôgic, lịch sử cụ thể, phương pháp thống kê, so sánh và tổng kết thực tiễn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Ở một mức độ nhất định, kết quả nghiên cứu của Luận văn có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ yêu cầu nâng cao chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân tối cao; trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ cho công tác nghiên cứu, biên soạn các tập bài giảng chuyên đề để giảng dạy các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên đề về đấu tranh phòng, chống các tội xâm phạm hoạt động tư pháp tại trường Đại học Kiểm sát cũng như các khóa tập huấn chuyên sâu của ngành Kiểm

sát. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của Luận văn còn có thể được sử dụng để xây dựng các kỹ năng nghề nghiệp, các thao tác nghiệp vụ trong quan hệ giữa Kiểm sát viên với Điều tra viên trong quá trình điều tra và THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân tối cao ở Việt Nam.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra.

Chương 2: Thực trạng công tác thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra.

Chương 3: Quan điểm, giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra.

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH
QUYỀN CÔNG TỐ ÁN XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP
TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA

1.1. Khái niệm thực hành quyền công tố án xâm phạm Hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra

1.1.1. Khái niệm về quyền công tố

Theo Từ điển tiếng Việt thì “Công tố là truy tố, buộc tội bị cáo và phát biểu ý kiến trước Tòa án, nhân danh Nhà nước” [35, tr.210]. Từ điển Luật học định nghĩa: “Quyền công tố là quyền buộc tội nhân danh Nhà nước đối với người phạm tội” [36, tr.298]. Như vậy có thể hiểu, quyền công tố là quyền nhân danh Nhà nước truy tố bị cáo ra trước Tòa án, là quyền buộc tội và phát biểu ý kiến (luận tội) trước Tòa án về hành vi phạm tội của bị cáo.

Trong khoa học pháp lý, công tố là quyền: Quyền công tố. Công tố xuất hiện với tính cách là bổn phận của Nhà nước đối với xã hội trong việc xử lý tội phạm, bao gồm từ việc khởi tố, điều tra, truy tố và buộc tội. Kể từ khi vai trò tố cáo (công tố) tội phạm trước Tòa án thuộc về trách nhiệm của Nhà nước thì việc tố cáo tội phạm “*trước Công đường, trước Tòa án*” không còn là công việc của tư nhân (tư tố) nữa mà là công việc của Nhà nước. Nhà nước độc quyền trong việc khởi tố và điều tra, trong việc truy tố và buộc tội. Xuyên suốt quá trình đó là hoạt động chứng minh tội phạm của cơ quan được giao chức năng THQCT. Một vụ việc xảy ra có dấu hiệu tội phạm, để có thể tuyên bố đó là hành vi phạm tội và xử lý nghiêm khắc hành vi đó thì đòi hỏi vụ việc đó phải được trải qua quá trình nhận thức (thu thập, xác định, đánh giá chứng cứ ở giai đoạn điều tra, truy tố), quá trình đánh giá chứng cứ công khai ở giai đoạn xét xử theo đúng trình tự và thủ tục do pháp luật qui định. Quá trình này có hai chức năng cơ bản là công tố và phán xét (xét xử). Công tố và phán xét là hai chức năng được sinh ra để phục vụ cho công lý, bảo đảm an ninh và trật tự cho Nhà nước, cho xã hội và mọi công dân.

Quyền công tố là một trong những quyền thuộc quyền lực của Nhà nước và giao cho một cơ quan chuyên trách thực hiện. Trong quá trình THQCT, cơ quan công tố phải có trách nhiệm bảo đảm việc thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm tội. Khi có đủ tài liệu, chứng cứ để xác định tội phạm và người phạm tội, cơ quan Công tố quyết định việc truy tố bị can ra trước Tòa án và bảo vệ quan điểm buộc tội trước phiên tòa. Do vậy, đối tượng của quyền công tố là hành vi phạm tội của bị can, bị cáo và nội dung của quyền công tố là sự buộc tội đối với họ.

Tóm lại, xuất phát từ các căn cứ lý luận được phân tích ở trên, theo tác giả: *Quyền công tố là quyền đại diện quyền lực công (quyền lực của Nhà nước) truy tố và thực hiện việc buộc tội người đã có hành vi phạm tội trước Tòa án.*

1.1.2. Khái niệm về thực hành quyền công tố, đối tượng tác động của quyền công tố.

1.1.2.1. Khái niệm về thực hành quyền công tố

Theo Từ điển tiếng Việt “thực hành” có nghĩa là “làm để áp dụng lí thuyết vào thực tế”, “thực hành” cũng đồng nghĩa với “thực hiện” [35, tr.973]. Từ điển Luật học giải thích “THQCT là việc sử dụng tổng hợp các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử” [36, tr.457].

Căn cứ các quy định pháp luật của Việt Nam từ năm 1960 đến nay thì VKS là cơ quan nhà nước duy nhất được giao chức năng THQCT. Nói cụ thể hơn, VKS là cơ quan duy nhất có quyền truy tố và thực hiện sự buộc tội bị cáo trước Tòa án. Các cơ quan nhà nước khác, như CQĐT, Tòa án... không có quyền này. Ngoài ra, đối với các vụ án tư tố, người bị hại chỉ có quyền yêu cầu khởi tố vụ án. Họ không có quyền tư tố, tự tố cáo (cáo trạng) người phạm tội ra trước Tòa án. Quyền truy tố và buộc tội bị cáo thuộc về VKS [22]. “Không có cơ quan nhà nước nào có thể thay thế ngành Kiểm sát để sử dụng quyền công tố; bắt giam, điều tra, tha, truy tố, xét xử có đúng người, đúng tội, đúng pháp luật hay không, có đúng đường lối chính sách của Đảng hay không, điều đó chính là VKS phải trông nom, bảo đảm làm tốt” [29, tr.55].

Theo tác giả: *Thực hành quyền công tố là việc cơ quan được trao quyền công tố sử dụng tổng hợp các quyền năng tố tụng theo quy định của pháp luật TTHS để truy*

cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử.

Cần phân biệt khái niệm quyền công tố và khái niệm THQCT. Quyền công tố là quyền năng mà pháp luật giao cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện. THQCT là hoạt động của VKS khi thực hiện quyền công tố, là việc sử dụng tổng hợp các nhiệm vụ, quyền hạn pháp lý thuộc nội dung quyền công tố để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

Nội dung THQCT là những biện pháp được pháp luật quy định mà VKS sử dụng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Tuy vậy cần chú ý phân biệt, những quyền năng pháp lý mà VKS trực tiếp quyết định và liên quan đến việc cáo buộc bị can, bị cáo thì đó là những quyền năng thuộc nội dung THQCT; những quyền năng pháp lý mà VKS sử dụng để phát hiện và yêu cầu xử lý vi phạm pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là những quyền năng thuộc chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật [12, tr.45].

Như vậy, khái niệm về THQCT trong TTHS, được khẳng định rõ trong các quy định của Luật tổ chức VKSND và Bộ luật TTHS. THQCT là hoạt động nhân danh Nhà nước truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, duy nhất do VKS thực hiện trong suốt quá trình TTHS, từ giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố đến xét xử vụ án hình sự và bản án có hiệu lực pháp luật.

1.1.2.2. Đối tượng tác động của thực hành quyền công tố

Đối tượng tác động của THQCT là tội phạm và người phạm tội, do đó khi có tội phạm xảy ra thì phải khởi tố vụ án hình sự để mở cuộc điều tra, thu thập chứng cứ làm rõ có tội phạm xảy ra hay không, ai là người thực hiện tội phạm. Khi đã xác định được người phạm tội, thì phải ra quyết định khởi tố bị can và tiến hành điều tra đối với người đó để làm sáng tỏ lỗi (cố ý hay vô ý), động cơ mục đích của người đó khi thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm hình sự đối với bị can.

1.1.3. Khái niệm, phạm vi, nội dung thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra của viện kiểm sát nhân dân

1.1.3.1. Thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra

Theo Luật TTHS hiện hành của nước ta thì quá trình giải quyết vụ án hình sự được phân chia thành các giai đoạn, đó là: Giai đoạn khởi tố vụ án hình sự ; giai đoạn điều tra vụ án hình sự ; giai đoạn truy tố; giai đoạn xét xử và giai đoạn thi hành án. Như vậy, điều tra vụ án hình sự là giai đoạn không thể thiếu, có vị trí và vai trò riêng trong quá trình TTHS.

Theo từ điển Tiếng Việt, điều tra là “tìm hỏi, xem xét để biết rõ sự thật” [35, tr.322]. Từ điển Luật học giải thích: “Điều tra là công tác trong TTHS được tiến hành nhằm xác định sự thật của vụ án một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ”. Do giai đoạn điều tra có vị trí, vai trò như vậy, nên việc xác định đúng phạm vi TTHS của VKS ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự là hết sức cần thiết. Có đa số quan điểm cho rằng, VKS phải có trách nhiệm trong mọi hoạt động của CQĐT, từ giai đoạn khởi tố cho đến khi kết thúc việc điều tra. Đây là một quan điểm đúng và rất quan trọng trong việc chỉ đạo hoạt động thực tiễn công tác THQCT ở giai đoạn điều tra. Quan điểm này đã dựa trên những căn cứ được quy định tại các Điều 165, 166 của Bộ luật TTHS năm 2015 về “Nhiệm vụ và quyền hạn của VKS khi THQCT trong giai đoạn điều tra” và “Nhiệm vụ và quyền hạn của VKS khi kiểm sát điều tra”; các Nghị quyết của Đảng trong những năm gần đây khi đề cập đến nội dung cải cách tư pháp, đổi mới tổ chức và hoạt động của VKS: “Tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra” [2]; “... hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng...”[3].

Hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra có đặc điểm khác với hoạt động kiểm sát điều tra. Tuy cùng một chủ thể tiến hành là VKS nhưng *thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra nhằm vào việc buộc tội, yêu cầu bắt, giam giữ và áp dụng các biện pháp cưỡng chế khác đối với người phạm tội; còn hoạt động kiểm sát điều tra hướng đến sự tuân thủ pháp luật trong hoạt động điều tra, nếu phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, VKS có quyền kiến nghị, yêu cầu các chủ thể chấm dứt vi phạm, khôi phục lại trật tự pháp luật xâm phạm*. Như vậy, tất cả những hoạt động tố tụng nào của VKS chỉ liên quan đến việc tuân thủ pháp luật TTHS, không liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội thì thuộc nội dung của kiểm sát điều tra. Những

hoạt động tố tụng nào của VKS ở giai đoạn điều tra có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội thì thuộc nội dung THQCT.

Theo tác giả: *Thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra là việc VKS sử dụng các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự theo quy định của pháp luật TTHS, nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội, bảo đảm việc khởi tố, điều tra có căn cứ, hợp pháp; bảo đảm mọi hành vi phạm tội được phát hiện đều được khởi tố điều tra theo pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.*

1.1.3.2. Phạm vi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra

Phạm vi THQCT trong giai đoạn điều tra bắt đầu từ khi khởi tố vụ án hình sự (nói rộng hơn là từ khi có sự kiện phạm tội xảy ra), diễn ra trong suốt quá trình TTHS, kết thúc khi có quyết định xử lý của các CQĐT, VKS hoặc Tòa án. Điều kiện chấm dứt THQCT trong giai đoạn điều tra khi có một trong những căn cứ quy định tại Điều 230 BLTTHS năm 2015. Nghị quyết số 08 ngày 02/01/2012 đã chỉ rõ: *"Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng nhằm đảm bảo không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội, xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm của những người tiến hành tố tụng khi thi hành nhiệm vụ..."*

1.1.3.3. Nội dung thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra.

Cũng như nội dung thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các vụ án hình sự nói chung, chính là việc VKS sử dụng “*tổng hợp*” những quyền năng tố tụng nhằm bảo đảm phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh tội phạm xâm phạm HĐTP, không để lọt người, lọt tội, không làm oan người vô tội. Theo đó, THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKS nhân dân phải theo quy định chung, được quy định tại Điều 165 BLHS năm 2015 cụ thể như sau: “Nhiệm vụ quyền hạn của VKS khi THQCT trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự:

i. Yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra khởi tố hoặc thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can.

ii. Phê chuẩn hoặc hủy bỏ quyết định khởi tố, quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định quyết định không khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật.

iii. Khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can trong các trường hợp do Bộ luật này quy định.

iv. Phê chuẩn, không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, việc tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để đảm bảo, khám xét, thu giữ, tạm giữ đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt; phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định tố tụng khác không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT, cơ quan quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật này; hủy bỏ các quyết định tố tụng không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trường hợp không phê chuẩn hoặc hủy bỏ phải nêu rõ lý do.

v. Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế theo quy định của Bộ luật này.

vi. Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiến hành điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội; yêu cầu CQĐT truy nã, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt.

vii. Trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn lệnh, quyết định của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc trường hợp phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm, vi phạm pháp luật mà VKS đã yêu cầu bằng văn bản nhưng không được khắc phục hoặc trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi quyết định việc truy tố.

viii. Khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm; yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong việc khởi tố, điều tra có dấu hiệu tội phạm.

ix. Quyết định việc gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam; quyết định chuyển vụ án, áp dụng thủ tục rút gọn, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; hủy bỏ quyết định tách, nhập vụ án.

x. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc THQCT theo quy định của Bộ luật này”.

Ngoài ra VKS THQCT ở giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm còn có quyền yêu cầu CQĐT về việc xác minh, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm xâm phạm HĐTP. Giai đoạn truy tố có quyền hạn và nhiệm vụ:

- Ra quyết định trả hồ sơ để yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra bổ sung.
- Ra quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án hình sự.
- Ra quyết định truy tố bị can.

Theo tác giả: *Thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP là việc VKS nhân dân sử dụng các quyền năng pháp lý thuộc nội dung quyền công tố của VKS ở giai đoạn điều tra theo quy định của pháp luật TTHS, nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội; bảo đảm tính kịp thời phát hiện, khởi tố, điều tra và xử lý mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.*

1.2. Về thẩm quyền điều tra và thẩm quyền thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra

1.2.1. Về thẩm quyền điều tra

Bộ luật TTHS năm 2015, tiếp tục mở rộng thẩm quyền điều tra của CQĐT VKS nhân dân tối cao. Nếu như Bộ luật TTHS năm 2003 (Khoản 3, Điều 110) chỉ quy định CQĐT VKSTC *điều tra một số loại tội xâm phạm HĐTP* [2, tr.70] thì BLTTHS năm 2015 đã mở rộng hơn. Tại Khoản 3, Điều 163 quy định, *CQĐT VKSNDTC ngoài việc điều tra tội phạm xâm phạm HĐTP vụ quy định tại các chương XXIII BLHS năm 2015, thì còn được điều tra tội phạm về tham nhũng, chức vụ quy định tại Chương XXIV của BLHS xảy ra trong HĐTP. Về chủ thể cũng mở rộng hơn, nếu BLTTHS năm 2003 chỉ quy định “Người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp thì BLTTHS mới quy định người phạm tội là cán bộ, công chức thuộc CQĐT, Tòa án, VKS, Cơ quan Thi hành án, người có thẩm quyền tiến hành HĐTP”.*

Như vậy, về mặt lý luận, chỉ có một cơ quan duy nhất là CQĐT VKS nhân dân tối cao (Cục 1) điều tra các tội phạm xâm phạm HĐTP.

1.2.2. Thẩm quyền thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự các tội xâm phạm hoạt động tư pháp

Như đã phân tích ở trên, thẩm quyền điều tra các tội xâm phạm HĐTP do CQĐT của VKS nhân dân tối cao (Cục 1) tiến hành. Trước ngày 1/5/2015, nhiệm vụ THQCT án xâm phạm HĐTP (những vụ án do Cục 6 thụ lý điều tra) trong hoạt động điều tra án hình sự được giao cho Vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án hình sự về trật tự xã hội (Vụ 2) theo quy định tại Quyết định số 04/QĐ-VKSTC-V9 ngày 14/01/2008 của Viện trưởng VKS nhân dân tối cao, có nghĩa Vụ 2 vừa THQCT và kiểm sát điều tra án hình sự về trật tự xã hội vừa THQCT án xâm phạm HĐTP. Năm 2015, Luật tổ chức VKS nhân dân được sửa đổi bổ sung đã thành lập một Vụ nghiệp vụ độc lập có nhiệm vụ Kiểm sát điều tra và THQCT án xâm phạm HĐTP (những vụ án do Cục 1 thụ lý điều tra) gọi tắt là Vụ 6. Do vậy, từ 1/7/2015, kể từ khi Luật tổ chức VKS nhân dân sửa đổi năm 2015 có hiệu lực thì nhiệm vụ THQCT án xâm phạm HĐTP (những vụ án do Cục 1 thụ lý điều tra) trong hoạt động điều tra được giao cho Vụ THQCT và kiểm sát điều tra án xâm phạm HĐTP (Vụ 6). Quan hệ phối hợp công tác giữa Cục 1 và Vụ 6 được duy trì theo quy chế phối hợp mà Vụ 2 (trước là Vụ 1A, từ ngày 1.7/2015 gọi là Vụ 2) và C1 đã ký thỏa thuận trước đó thực hiện theo nguyên tắc phối hợp và có sự chế ước của VKS đối với hoạt động của CQĐT theo quy định của pháp luật, nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu chung của ngành Kiểm sát nhân dân.

1.3. Khái niệm chất lượng và chất lượng thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm Hoạt động tư pháp của viện kiểm sát nhân dân tối cao ở Việt Nam

1.3.1. Khái niệm chất lượng

Chất lượng là một phạm trù phức tạp và có nhiều định nghĩa, nhiều quan điểm khác nhau, hiện nay có một số định nghĩa về chất lượng như sau:

Theo Giáo sư **Crosby**, “*Chất lượng*” là tổng thể những tính chất, thuộc tính cơ bản của sự vật để phân biệt với sự vật khác [15, tr.1156].

Theo Từ điển tiếng Việt thì khái niệm về “*chất lượng*” nói chung là “*cái tạo nên phẩm chất, giá trị của con người, sự vật, sự việc*” [35, tr.144].

Một số quan điểm khác thì cho rằng “*Chất lượng là sự phù hợp với các yêu cầu*

hay đặc tính nhất định”.

Qua các khái niệm nêu trên, chúng ta có thể hiểu: *chất lượng là sự phù hợp với yêu cầu. Sự phù hợp này phải được thể hiện trên cả ba phương diện, mà ta có thể gọi tóm tắt, đó là khả năng hoàn thiện, thỏa mãn nhu cầu và đúng thời điểm.*

1.3.2. Khái niệm chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra

Không nằm ngoài các khái niệm trên, tuy nhiên, chất lượng THQCT án xâm phạm HĐTP trong giai đoạn điều tra, có những đặc tính riêng, xem xét từ khía cạnh THQCT ở giai đoạn điều tra là một bộ phận cấu thành hoạt động THQCT nói chung của VKS.

Để đánh giá hiệu quả mỗi một hoạt động trên thực tế, thì phải mức độ đạt được mục đích, yêu cầu đã được đề ra đến mức độ nào, cao hay thấp. Như vậy, chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP, trước hết là đại lượng chỉ mức độ đạt được các mục đích, yêu cầu mà pháp luật đã đề ra đối với công tác THQCT.

Để đánh giá chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKS nhân dân tối cao có thể dựa trên công tác thống kê, tổng kết hoạt động của ngành và số lượng án xâm phạm HĐTP do VKS nhân dân tối cao THQCT. Để từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao chất lượng THQCT nhằm bảo đảm việc điều tra, truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

Trên cơ sở phân tích nêu trên, tác giả có thể đưa ra khái niệm như sau: *Chất lượng thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKS nhân dân tối cao là tổng hợp các chỉ số phản ánh mức độ chính xác, tính kịp thời, đúng pháp luật của hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP do VKSND tối cao tiến hành nhằm bảo đảm cho hoạt động điều tra của CQĐT VKS nhân dân tối cao được thực hiện một cách khách quan, toàn diện, đúng quy định của pháp luật.*

1.4. Tiêu chí đánh giá chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra

Theo Từ điển tiếng Việt thì "tiêu chí là tính chất, dấu hiệu dựa vào mà phân biệt một vật, một khái niệm" [35, tr.728].

VKS thực hiện chức năng thực hành quyền công tố theo luật định trong lĩnh vực TTHS nhằm kịp thời phát hiện, khởi tố, điều tra và xử lý mọi hành vi phạm tội, bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội là có căn cứ, hợp pháp; bảo đảm mọi hành vi phạm tội được phát hiện đều phải được khởi tố điều tra theo pháp luật, không làm lọt người, lọt tội, làm oan người vô tội. Thông qua công tác THQCT, VKS có nghĩa vụ kịp thời phát hiện vi phạm pháp luật của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng, áp dụng những biện pháp do Bộ luật TTHS quy định để loại trừ việc vi phạm pháp luật của những cơ quan hoặc cá nhân này.

Như vậy, tiêu chí đánh giá chất lượng thực hành quyền công tố ở giai đoạn tra các tội xâm phạm HĐTP của VKS nhân dân tối cao ở Việt Nam là các tiêu chuẩn dùng để kiểm định hay để đánh giá hoạt động của VKS nhân dân tối cao ở Việt Nam trong thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP về chất lượng, mức độ, hiệu quả, khả năng tuân thủ các điều khoản, nguyên tắc tố tụng, kết quả cuối cùng và tính bền vững của các kết quả đó.

Theo tác giả, để đánh giá chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra tội phạm nói chung và các tội xâm phạm HĐTP nói riêng cần thiết phải xem xét trên hai phương diện: phương diện chung và phương diện đặc thù. Về phương diện chung (yêu cầu pháp luật): đây là tiêu chí không phải của riêng ngành Kiểm sát mà là tiêu chí để đánh giá chất lượng của tất cả các cơ quan tư pháp nói chung. Trên phương diện đặc thù, ngành kiểm sát nhân dân có đặt ra những tiêu chí cụ thể để các đơn vị THQCT và kiểm sát điều tra án hình sự trực thuộc VKSND tối cao và VKSND các địa phương căn cứ vào đó thực hiện nhằm nâng cao chất lượng THQCT và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự trong toàn ngành.

Theo tác giả, các tiêu chí đánh giá chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam như sau:

1.4.1. Đảm bảo tính kịp thời phát hiện, khởi tố, điều tra và xử lý mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội

Đây là tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá chất lượng THQCT của VKS nói chung và chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của

VKSND tối cao ở Việt Nam nói riêng. Tiêu chí này đồng thời là tiêu chí đánh giá chất lượng của các cơ quan tư pháp Việt Nam hiện nay, đáp ứng yêu cầu chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ cải cách tư pháp. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị nhấn mạnh: “VKS các cấp thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong HĐTP. Hoạt động công tố phải được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình tố tụng, nhằm bảo đảm không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội...” [2]. Chỉ thị 48-CT/TW ngày 22/10/2010 về “*Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*” khẳng định: “Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hình sự nhằm phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh mọi hành vi phạm tội, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội” [3]. Tiếp theo, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” chỉ rõ: “*Tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra*” [4]. Đặc biệt, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI của Đảng tiếp tục nhấn mạnh phải “Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra” [10], nhằm nâng cao trách nhiệm của VKS trong đấu tranh chống bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích của các cơ quan, tổ chức, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Thực hiện chủ trương cải cách tư pháp nêu trên, những năm gần đây, chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao Việt Nam có nhiều chuyển biến tích cực, đạt chất lượng, hiệu quả cao, đó là: đã nêu cao trách nhiệm của VKS trong việc khởi tố, yêu cầu khởi tố; trong việc phê chuẩn bắt, giam, giữ; thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn; hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật... Hoạt động công tố về cơ bản đã khắc phục tư duy pháp lý thuần túy trong công tác xử lý tội phạm, bảo đảm yêu cầu pháp luật gắn với việc phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước trong từng giai đoạn, thời điểm, địa bàn cụ thể; tạo cơ sở để THQCT đúng người, đúng tội, hạn chế xảy ra các trường hợp oan, sai; góp

phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phục vụ có hiệu quả công cuộc đổi mới đất nước.

1.4.2. Đảm bảo tuân thủ những quy định của pháp luật

Pháp luật hiện hành quy định rất chặt chẽ nhiệm vụ quyền hạn khi THQCT trong TTHS của VKS. Quá trình THQCT của VKS phải phù hợp, đúng theo quy định của Hiến pháp, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tổ chức VKSND năm 2013. VKS giữ một vị trí đặc biệt quan trọng, tính quyết định xuyên suốt trong quá trình điều tra, truy tố; vì vậy VKS không những tự mình bảo đảm tuân thủ pháp luật mà còn đảm bảo các quy định pháp luật trong hoạt động tố tụng của CQĐT được chấp hành nghiêm chỉnh, thống nhất.

Khi THQCT ở giai đoạn điều tra, VKS trước hết phải bảo đảm các hoạt động tố tụng được thực hiện đúng thẩm quyền. VKS chỉ được tiến hành những hoạt động, quyết định áp dụng các biện pháp mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền hoặc phải thực hiện những hoạt động, quyết định áp dụng những biện pháp nhất định mà pháp luật quy định là nghĩa vụ, trách nhiệm VKS phải thực hiện trong giai đoạn điều tra vụ án. Nếu trong quá trình THQCT ở giai đoạn điều tra, VKS không thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ pháp luật quy định khi cần thiết hoặc thực hiện các hoạt động vượt thẩm quyền cho phép thì đó là sự vi phạm pháp luật và những sai phạm này đương nhiên sẽ ảnh hưởng đến việc đạt được các mục tiêu tố tụng, đến chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra của VKS.

Ngoài ra VKS còn phải đảm bảo các thời hạn tố tụng mà pháp luật hình sự quy định trong giai đoạn điều tra. VKS được trao các quyền để giám sát việc thực hiện, quyền yêu cầu CQĐT thực hiện đúng thời hạn và thậm chí có quyền thực hiện và ra quyết định giải quyết (như yêu cầu khởi tố và trực tiếp khởi tố vụ án, bị can...). Vì vậy, theo tác giả, mọi sự vi phạm thời hạn tố tụng thì trách nhiệm luôn thuộc về hoặc có phần thuộc về VKS thực hiện nhiệm vụ THQCT, ảnh hưởng đến chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra của VKS.

1.4.3. Đảm bảo tính chính xác, phù hợp, khách quan

Thu thập chứng cứ chứng minh làm rõ hành vi phạm tội và người phạm tội là hoạt động nhận thức sự thật khách quan về vụ án. Sự thật khách quan của vụ án chỉ

được nhận thức đầy đủ khi các tài liệu, chứng cứ về vụ án được thu thập đầy đủ, toàn diện. Trong giai đoạn điều tra, trách nhiệm chính trong việc thu thập chứng cứ chứng minh sự thật của vụ án thuộc về CQĐT. VKSND là cơ quan được giao thẩm quyền và có trách nhiệm kiểm sát các hoạt động điều tra “*nhằm đảm bảo*” cho các chứng cứ thu thập được có tính khách quan, đầy đủ và toàn diện. Vì vậy trong việc thu thập chứng cứ, hoạt động THQCT của VKS chỉ tác động, góp phần cùng với CQĐT nhằm thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, toàn diện để làm rõ hành vi phạm tội và người phạm tội, góp phần đạt được mục tiêu của TTHS. Vì vậy, mức độ chính xác, phù hợp, khách quan của hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra các vụ án hình sự nói chung và các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào năng lực nhận thức của cá nhân những người tiến hành tố tụng. Nếu như cá nhân những người tiến hành tố tụng nhận thức kết luận vấn đề phù hợp với phản ánh khách quan của tài liệu chứng cứ thì phương án lựa chọn để giải quyết vấn đề sẽ có căn cứ và việc giải quyết vụ án được chính xác, khách quan. Ngược lại nếu như nhận định có tính chủ quan, không phù hợp với phản ánh của tài liệu, chứng cứ đã có, các quyết định của VKS có thể dẫn đến hậu quả bỏ lọt tội phạm hoặc làm oan, sai; xâm phạm quyền và lợi ích của người tham gia tố tụng.

Một trong những yêu cầu đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật trong THQCT ở giai đoạn điều tra là tính có căn cứ. Tính có căn cứ là yêu cầu đặt ra đối với mọi hoạt động tố tụng. Tính có căn cứ đòi hỏi mọi hoạt động tố tụng VKS thực hiện khi THQCT phải được đưa ra trên cơ sở phân tích, đánh giá, giá trị chứng minh của các tài liệu phản ánh tại hiện trường, tài liệu trong hồ sơ tin báo, tố giác về tội phạm, trong hồ sơ vụ án để xác định nội dung hành vi vi phạm, tội phạm từ đó đối chiếu với các quy định của pháp luật để quyết định lựa chọn phương án giải quyết và lựa chọn quyền năng được trao theo quy định của pháp luật để giải quyết vấn đề: xác định có hay không dấu hiệu phạm tội, hành vi phạm tội, trường hợp áp dụng, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn... từ đó lựa chọn sử dụng các quyền được trao theo quy định tại Điều 112 Bộ luật TTHS một cách phù hợp.

1.4.4. Đảm bảo tính kịp thời, hợp lý và hiệu quả

Sử dụng kịp thời quyền năng được pháp luật trao khi THQCT ở giai đoạn điều tra là một yêu cầu đặt ra đối với VKS. Tính kịp thời của VKS luôn ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố người phạm tội, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tính kịp thời của hoạt động sử dụng quyền năng của VKS khi THQCT còn có vai trò quan trọng trong bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng, bảo vệ quyền con người, quyền công dân của bị can. (Ví dụ: nếu không kịp thời trong việc xem xét, quyết định không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp trong trường hợp việc bắt khẩn cấp không đủ căn cứ có thể dẫn đến hậu quả người bị bắt, bị tạm giữ trái pháp luật).

Pháp luật TTHS quy định cho VKS một phạm vi các quyền hạn, nhiệm vụ rất cụ thể. Tuy nhiên thực tiễn THQCT ở giai đoạn điều tra của VKS cho thấy, không phải mọi trường hợp tất cả các quyền năng pháp lý của VKS đều được sử dụng. Ngoài những quyền đồng thời là trách nhiệm mà VKS cần phải thực hiện như: phê chuẩn các quyết định khởi tố về hình sự, phê chuẩn các quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn...thì có những quyền việc sử dụng hay không sử dụng phụ thuộc vào ý chí của các chủ thể có nhiệm vụ THQCT đối với các vụ án đó, như quyền yêu cầu điều tra, quyền trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra... Đánh giá, so sánh mức độ hợp lý hiệu quả của việc sử dụng quyền năng của VKS khi THQCT căn cứ vào diễn biến của quá trình tố tụng và kết quả đạt được các mục tiêu của quá trình điều tra, góp phần làm rõ các vấn đề cần chứng minh trong vụ án một cách chính xác, khách quan, toàn diện.

1.4.5. Về tỷ lệ án đình chỉ điều tra, án trả hồ sơ điều tra bổ sung và tiến độ giải quyết án

Theo Hệ thống chỉ tiêu cơ bản đánh giá kết quả công tác nghiệp vụ trong ngành kiểm sát nhân dân ban hành theo Quyết định số 297/QĐ-VKSTC ngày 13/6/2012 của Viện trưởng VKS nhân dân tối cao, một số chỉ tiêu đặc thù đánh giá chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm hoạt

Về chỉ tiêu án đình chỉ điều tra do bị can không phạm tội. Theo qui định tại điểm 3.4. thuộc Mục II, chỉ tiêu chung để đánh giá chất lượng THQCT của VKS trong giai đoạn điều tra là 100% không có án đình chỉ điều tra do bị can không phạm tội. Đó là

các trường hợp: Đình chỉ điều tra vì hành vi của bị can không đủ yếu tố cấu thành tội phạm; hết thời hạn điều tra nhưng không đủ chứng cứ chứng minh bị can đã thực hiện hành vi phạm tội; không có sự việc phạm tội xảy ra [44].

Về chỉ tiêu án trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Theo qui định tại điểm 3.5 thuộc Mục II, chỉ tiêu chung để đánh giá chất lượng THQCT của VKS trong việc trả CQĐT hồ sơ để điều tra bổ sung là không quá 6% [44].

Về chỉ tiêu tiến độ giải quyết án trong giai đoạn thực hành quyền công tố các tội xâm phạm HĐTP

Theo qui định tại điểm 3.3. thuộc Mục II, chỉ tiêu chung để đánh giá tiến độ giải quyết án trong giai đoạn điều tra là 80% trở lên trên tổng số vụ án mà CQĐT thụ lý, giải quyết trong kỳ [44].

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng, tác động đến chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng, tác động đến chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự nói chung và các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam nói riêng. Theo tác giả, những ảnh hưởng, tác động đến chất lượng của hoạt động này tập trung ở các yếu tố sau:

1.5.1. Quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp

Toàn bộ hoạt động thực hiện chức năng THQCT trong TTHS và chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND ở Việt Nam đều nhằm phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội và nằm trong tiến trình thực hiện cải cách tư pháp. Đây được coi là một trong những chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay. Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, phần mục tiêu quan điểm cải cách tư pháp khẳng định: “xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại phục vụ nhân dân, phụng sự tổ quốc... cải cách tư pháp phải đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của Đảng”. Về phương hướng cải cách tư pháp, Nghị quyết đã chỉ rõ: “Đảng lãnh đạo chặt chẽ HĐTP của các cơ quan tư pháp về chính trị, tổ chức cán bộ, khắc phục tình trạng

cấp ủy Đảng buông lỏng lãnh đạo hoặc can thiệp không đúng vào HĐTP”. Về các nhiệm vụ cải cách tư pháp Nghị quyết nhấn mạnh: “Quy định trách nhiệm hình sự nghiêm khắc hơn đối với những tội phạm là người có thẩm quyền trong thực thi pháp luật, những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội. Người có chức vụ càng cao mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn phạm tội thì càng phải xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác” [4].

Trên tinh thần Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị và Hiến pháp năm 2013 về quyền tư pháp và HĐTP, đồng thời để khắc phục những điểm hạn chế, bất cập trong thực tiễn cần phải tiếp tục hoàn thiện các quy định của BLHS về nhóm các tội xâm phạm HĐTP, góp phần nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay. Quán triệt tư tưởng chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng là yếu tố bảo đảm cho VKSND cùng với các cơ quan tư pháp khác “phải là chỗ dựa thực sự của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người, đồng thời phải là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm và vi phạm” [4].

1.5.2. Mức độ hoàn thiện của pháp luật có liên quan ảnh hưởng đến việc thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp

Để hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam có chất lượng, hiệu quả trước hết phải có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ, sát thực tế, phù hợp với các quy luật khách quan của sự phát triển kinh tế - xã hội, và điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của đất nước ở mỗi thời kỳ phát triển. Cơ sở pháp lý càng hoàn thiện thì hoạt động THQCT của VKSND càng được bảo đảm, như Hiến pháp, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tổ chức VKSND, các Nghị quyết của Đảng...có tác động trực tiếp đến hoạt động này, vì trong THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam phải tuân thủ các quy định của pháp luật cả về luật nội dung và luật hình thức. Ví dụ:

- Về việc tuân thủ luật hình thức: Yêu cầu này đòi hỏi khi THQCT phải đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, đúng quy định của Bộ luật TTHS hiện hành. Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, các quyết định tố tụng của VKS phải được ban

hành theo đúng trình tự, thủ tục và thời hạn quy định.

- Về việc tuân thủ luật nội dung: Yêu cầu của tính hợp pháp đòi hỏi việc THQCT của VKS phải tuân thủ các luật nội dung. Luật nội dung chủ yếu mà VKS phải tuân thủ là luật hình sự. Việc xác định tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, miễn trách nhiệm hình sự... phải đúng quy định của pháp luật hình sự. Những sai lầm khi THQCT trong TTHS sẽ dẫn đến các quyết định của VKSND không có căn cứ, trái pháp luật.

1.5.3. Năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức của cán bộ, KSV ảnh hưởng đến chất lượng thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp

Yếu tố năng lực, trình độ thể hiện ở khả năng nhận thức đúng đắn đường lối, quan điểm của Đảng về công cuộc cải cách tư pháp và đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; thể hiện sự nhanh nhạy về đánh giá tình hình tội phạm, phương thức, thủ đoạn của tội phạm, khả năng vận dụng pháp luật trong thực tiễn của cán bộ, KSV, đó là sự chuyển hóa từ tư duy lý luận sang hoạt động thực tiễn, bằng chính hành vi của mình để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người bảo vệ pháp luật. Năng lực vận dụng pháp luật trong thực tiễn đòi hỏi cán bộ, KSV phải hiểu biết sâu sắc bối cảnh chính trị - xã hội, xu hướng phát triển của thời đại và diễn biến tình hình vi phạm, tội phạm; nắm rõ nhân thân, động cơ, mục đích và các điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội; khả năng chọn đúng điều khoản pháp luật để áp dụng và đối chiếu, so sánh với quyết định, hành vi của CQĐT và cá nhân liên quan, nhằm kịp thời phát hiện vi phạm, tội phạm.

Yếu tố năng lực, trình độ còn thể hiện ở sự tinh thông pháp luật trong công việc mà KSV thực hành quyền công tố đảm nhận và thực hiện chúng với tinh thần trách nhiệm cao, tránh hiện tượng quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, trì trệ, hoặc thờ ơ lãnh đạm, vô cảm đối với số phận, tính mạng con người, với tài sản của Nhà nước và của nhân dân

Bên cạnh đòi hỏi KSV thực hành quyền công tố phải có trình độ, năng lực thì yếu tố phẩm chất đạo đức của người cán bộ Kiểm sát cũng hết sức quan trọng. Một trong những phong trào mà ngành Kiểm sát nhân dân đề cao là cuộc vận động “Học tập và

làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, từ đó mỗi cán bộ, KSV cần tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức trong thực thi nhiệm vụ của ngành nói chung và đặc biệt trong hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP nói riêng, xứng đáng với lời dạy của Bác Hồ đối với cán bộ, KSV Ngành kiểm sát, đó là : "*Công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn*". Có như thế, ngành Kiểm sát nhân dân mới xây dựng được đội ngũ cán bộ, KSV: "*Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm*"; từ đó tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ và trật tự nội vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân để đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Hiến pháp đã quy định: "VKSND có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất" [4].

1.5.4. Mối quan hệ phối hợp trong hoạt động tố tụng hình sự ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp giữa cơ quan tư pháp và đơn vị thực hành quyền công tố

Tuy cùng là đơn vị trực thuộc VKSND tối cao song CQĐT (Cục 1) và cơ quan VKS được giao THQCT và kiểm sát điều tra các tội xâm phạm HĐTP (Vụ 2) là hai đơn vị độc lập, chức năng, nhiệm vụ khác nhau nhưng có trách nhiệm phối hợp, chế ước lẫn nhau theo quy định của pháp luật TTHS để thực hiện nhiệm vụ chung là phát hiện, điều tra, truy tố các tội xâm phạm HĐTP.

Khi nói đến quan hệ giữa CQĐT và VKS trước hết phải thấy được quyền uy của VKS đối với CQĐT. Điều này xuất phát từ đặc điểm riêng của hoạt động TTHS. Những khuyết điểm, sai lầm trong hoạt động điều tra của CQĐT sẽ dẫn đến những sai lệch sự thật của vụ án. Sự chế ước của VKS đối với CQĐT là hoàn toàn cần thiết, đảm bảo cho hoạt động điều tra nói riêng và hoạt động tố tụng nói chung đạt đến mục đích, hiệu quả cuối cùng. Ngược lại, uy quyền của VKS đối với CQĐT trong hoạt động điều tra cũng không thể không có sự kiểm soát, chế ước nhằm tránh sự lạm quyền. Sự chế ước ngược lại từ phía CQĐT đối với hoạt động kiểm sát của VKS cũng tồn tại khách quan bằng một cơ chế pháp lí thích hợp. Ngoài sự chế ước lẫn nhau, giữa hai cơ quan này tất yếu tồn tại sự hỗ trợ lẫn nhau mà lí luận TTHS gọi là quan hệ phối hợp. Sự

phối hợp này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cả hai bên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Hoạt động kiểm sát của VKS ngoài mang tính chế ước, nó còn có ý nghĩa tác động đảm bảo giá trị pháp lí cho kết quả hoạt động điều tra của CQĐT. Kết quả hoạt động điều tra tốt sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho VKS thực hiện chức năng công tố của mình...Tất nhiên, mỗi quan hệ phối hợp giữa hai cơ quan luôn được thực hiện trên cơ sở pháp lí và nhằm đến mục tiêu chung của hoạt động TTHS. “Khi có vướng mắc trong quan hệ phối hợp thì Lãnh đạo hai đơn vị họp bàn thống nhất giải quyết. Trường hợp Lãnh đạo hai đơn vị chưa thống nhất được quan điểm giải quyết thì báo cáo Lãnh đạo VKSND tối cao phụ trách khối xin ý kiến chỉ đạo giải quyết” [45].

1.5.5. Vai trò của báo chí, truyền thông

Vai trò của báo chí, truyền thông sẽ góp phần nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao Việt Nam, nhất là các tin bài, phóng sự về sự việc phạm tội và thông tin xử lý của các cơ quan tư pháp. Báo chí, truyền thông còn có ảnh hưởng tới việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho cán bộ và nhân dân để mọi người nắm được các quy định của pháp luật, từ đó họ có ý thức tự giác tuân theo pháp luật.

1.5.6. Các yếu tố khác

Các yếu tố khác có ảnh hưởng đến chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao Việt Nam như sau:

- Tiêu chí về công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, công tác thanh tra, kiểm tra của Lãnh đạo đơn vị đối với hoạt động của cấp dưới. Đây là hoạt động rất quan trọng, cần thiết, thông qua đó kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, rút kinh nghiệm, xử lý các vi phạm trong HĐTP.

- Việc giám sát của các cơ quan dân cử và của nhân dân về THQCT trong TTHS các tội xâm phạm HĐTP. Hiệu quả công tác giám sát của các cơ quan dân cử và nhân dân đối với cơ quan tư pháp bằng nhiều hình thức khác nhau như: Thông qua việc nghe báo cáo, thăm tra và cho ý kiến về báo cáo công tác tại các kỳ họp Quốc hội có tác động tới chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao Việt Nam.

- Các yếu tố về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên môn cho hoạt động điều tra, truy tố của CQĐT, VKS. Đây vừa là điều kiện, vừa là tiêu chí để đánh giá

chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra, bởi lẽ các yếu tố này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của cán bộ, KSV khi THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP. Ví dụ như các điều kiện về phương tiện, thiết bị phục vụ cho hoạt động khám nghiệm, giám định; cơ sở vật chất phục vụ cho việc tạm giữ, tạm giam để tránh thông cung, trốn khỏi nơi giam, giữ....

- Chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, KSV. Thực tế cho thấy, cán bộ, KSV có ổn định về tư tưởng, điều kiện vật chất được đảm bảo thì mới tận tâm, tận lực để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, mới có sự linh hoạt, sáng tạo trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành.

- Để đảm bảo khách quan trong điều tra và quyền lợi cho bị can, khi bị can có yêu cầu hoặc luật quy định các trường hợp phải có luật sư tham gia tố tụng, CQĐT yêu cầu Đoàn luật sư phân công luật sư cử người tham gia tố tụng bào chữa cho các bị can, đảm bảo quyền lợi cho họ có ý nghĩa trong thực hiện chính sách của nhà nước, và nâng cao chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND. Song để đảm bảo cùng lúc yêu cầu đấu tranh, bí mật nghiệp vụ, thời hạn điều tra, quyền và nghĩa vụ của người bào chữa hiện nay vẫn còn hạn chế do chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể.

Kết luận chương 1

Luận văn tập trung phân tích những vấn đề lý luận về quyền công tố, THQCT, thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra, HĐTP, tội xâm phạm HĐTP; những nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP. Qua đó, Luận văn đã đưa ra khái niệm chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND và tiêu chí để đánh giá chất lượng và các yếu tố ảnh hưởng, tác động đến chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam. Sự phân tích, lý giải các vấn đề nêu trên là tiền đề, cơ sở để tác giả đánh giá thực trạng chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam trong 5 năm (2009 - 2013) ở Chương 2.

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ÁN XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA

2.1. Khái quát tình hình tội xâm phạm hoạt động tư pháp

Tội phạm xâm phạm HĐTP những năm gần đây xảy ra diễn biến phức tạp. Trong 5 năm từ 2011-2015. Thông qua hoạt động kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm. Trước 1.7.2015 là Vụ 2 nay là Vụ 6 - VKSTC đã phối hợp tốt với Cục 1 trong giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, phân công KSV kịp thời kiểm sát hoạt động giải quyết tố giác, báo về tội phạm đối với tất cả các tố giác, tin báo về tội phạm mà CQĐT đã thụ lý giải quyết. Hàng tháng, Lãnh đạo đơn vị đều họp bàn với CQĐT về các biện pháp thúc đẩy tiến độ, chất lượng của việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, phân công một KSV chuyên trách nắm và quản lý tố giác, tin báo tội phạm của CQĐT, kịp thời cung cấp cho CQĐT những tố giác, tin báo về tội phạm mà Vụ 6 nắm được thông qua công tác kiểm sát ở các lĩnh vực khác. Khi CQĐT kết thúc xác minh tin báo, tố giác tội phạm, Vụ 6 phân công KSV nghiên cứu kịp thời, đánh giá toàn diện và khách quan các chứng cứ, tài liệu do CQĐT thu thập được để đưa ra đường lối giải quyết một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả, tránh oan sai, bỏ lọt tội phạm. Kết quả trong 5 năm qua, do làm tốt công tác kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, phối hợp tốt với CQĐT trong việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, nên CQĐT đã khởi tố 138 vụ, chất lượng giải quyết tố giác, tin báo tội phạm ngày càng được nâng lên. Nếu năm 2011 trong 96 tố giác, tin báo kết thúc xác minh CQĐT chỉ khởi tố được 12 vụ án đạt khoảng 13% thì năm 2014, trong 130 tố giác, tin báo kết thúc xác minh CQĐT khởi tố 33 vụ án đạt tỷ lệ 25%. Trong 6 tháng đầu năm 2016, trong 18 tố giác, tin báo kết thúc xác minh CQĐT khởi tố được 5 vụ án đạt khoảng 28%.

Trong tổng số án do CQĐT VKSND tối cao (Cục 1) khởi tố, điều tra từ năm 2011 đến nay, các tội xâm phạm HĐTP thuộc Chương XXII BLHS năm 1999 khởi tố chiếm số lượng không lớn. Theo báo cáo của Cục 1 và số liệu kiểm sát điều tra của Vụ 6 VKSND tối cao thì án xâm phạm HĐTP do Cục 1 khởi tố điều tra tăng cao trong năm 2013 và năm

2014, tuy nhiên từ năm 2015 đến nay, số vụ khởi tố điều tra có giảm nhẹ, 6 tháng đầu năm 2016 khởi tố điều tra 3 vụ/ 3 bị can, (xem bảng 2.1).

**Bảng 2.1: Thống kê số liệu án xâm phạm HĐTP
do Cục 1, VKSND tối cao khởi tố mới từ năm 2011-2015**

Năm	Tổng số án Cục 1 khởi tố điều tra mới		Trong đó: các tội xâm phạm HĐTP theo chương XXII BLHS năm 1999		Tỷ lệ	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
2011	12	16	4	9	33	56
2012	16	18	9	16	56	89
2013	41	52	17	21	41	40
2014	55	51	16	14	29	27
2015	33	14	7	7	21	50

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác của Cục 6 từ năm 2011-2015 [50].

Về cơ cấu tội phạm án xâm phạm HĐTP, qua số liệu từ năm 2011 trở lại đây, trong tổng số 22 tội danh án xâm phạm HĐTP được quy định tại 22 Điều thuộc chương XXII của BLHS năm 1999, (gồm từ Điều 293 đến Điều 314), Cục 6 chỉ khởi tố tập trung ở 7 loại tội, chiếm tỷ lệ 32% tổng số tội danh án xâm phạm HĐTP quy định trong BLHS. Cụ thể các loại tội xâm phạm HĐTP đã được khởi tố như sau, (xem bảng 2.2).

**Bảng 2.2: Cơ cấu tội phạm án xâm phạm HĐTP
do Cục 1, VKSND tối cao khởi tố điều tra từ năm 2011-2015**

Tội danh	Điều luật	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tổng	tháng đầu năm 2016
		Vụ/bị can	Vụ/bị can	Vụ/bị can	Vụ/bị can	Vụ/bị can	Vụ/bị can	Vụ/bị can
Không truy cứu TNHS người có tội	294			3/5	1/0	1/1	5/6	
Ra quyết định trái pháp luật	296	3/4	2/2	3/0	3/2	1/1	12/9	
Dùng nhục hình	298			4/8	4/7	2/2	10/17	
Làm sai lệch hồ sơ vụ án	300		1/1	1/2	2/0	3/3	7/6	½
Thiếu trách nhiệm để người bị giam, giữ trốn	301		6/13	5/5	5/4		16/22	2/1
Không thi hành án	305			1/1			1/1	
Đánh tháo người bị giam, giữ, người đang bị dẫn giải...	312	1/5			1/1		2/6	
Tổng		4/9	9/16	17/21	16/14	7/7	53/67	3/3

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác của Vụ 6 từ năm 2011-2015 [51].

Trong 7 tội danh án xâm phạm HĐTP Cục 1 đã khởi tố, bị khởi tố nhiều nhất là tội “*Thiếu trách nhiệm để người bị giam, giữ trốn*” (Điều 301) có số vụ khởi tố là 16 vụ, chiếm tỷ lệ 30 % trong tổng số 53 vụ đã khởi tố. Tiếp đó là tội “*Ra quyết định trái pháp luật*” (Điều 296), 12 vụ chiếm tỷ lệ 23 %, tội “*Dùng nhục hình*” (Điều 298) 10 vụ chiếm tỷ lệ 19 %. Các loại tội khác trong nhóm tội này chỉ khởi tố được một vài vụ, tội “*Không thi hành án*” (Điều 305) trong thời gian qua chỉ khởi tố có 1 vụ, tỷ lệ 2 %. Còn lại 15 tội danh thuộc chương các tội xâm phạm HĐTP, trong vòng hơn 5 năm từ năm 2011 trở lại đây chưa có vụ nào được khởi tố. Nếu như trước đây đa số chỉ khởi tố người phạm tội không giữ chức vụ cao trong các cơ quan tư pháp như ĐTV, Thẩm phán, Chấp hành viên... thì nay có nhiều vụ án người phạm tội giữ chức vụ

quản lý là Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng của các cơ quan tư pháp. Nghiên cứu những vụ án xâm phạm HĐTP mà người phạm tội là cán bộ thuộc các cơ quan tư pháp cho thấy tội phạm xảy ra ở tất cả các cơ quan tư pháp: Công an, Tòa án, VKS, Thi hành án. Số lượng cán bộ tư pháp phạm tội chủ yếu tập trung ở cấp quận huyện vì đây là các đơn vị trực tiếp tiến hành các hoạt động tố tụng ban đầu cũng như xét xử ở cấp sơ thẩm, thực hiện các hoạt động hỗ trợ tư pháp. Các vụ án xảy ra ở cấp huyện thường chiếm từ 70-80% tổng số vụ xảy ra trên thực tế.

Tình hình khởi tố một số tội phạm cụ thể như sau:

- Về tội “*Không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội*” (Điều 294). Đã khởi tố điều tra 5 vụ/ 6 bị can. Bị can trong các vụ án này đều là những người có thẩm quyền, thẩm quyền ở đây được hiểu là thẩm quyền theo quy định của Bộ luật TTHS như Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT trong việc ra quyết định khởi tố bị can, quy kết trách nhiệm hình sự đối với người không có tội trong Bản kết luận điều tra; Viện trưởng, Phó Viện trưởng trong việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, quy kết trách nhiệm hình sự đối với người không có tội trong Bản cáo trạng. Những người khác như ĐTV, KSV không phải là chủ thể của tội này bởi họ không có thẩm quyền đối với các quyết định trên nhưng họ có thể là đồng phạm với vai trò người giúp sức. Điển hình vụ “*Không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội*”, xảy ra tại CQĐT Công an huyện Dầu Tiếng (Bình Dương) và vụ xảy ra tại CQĐT Công an Thành phố Cao Lãnh (Đồng Tháp). Trong hai vụ án này, CQĐT Công an huyện Dầu Tiếng (Bình Dương) và CQĐT Công an Thành phố Cao Lãnh (Đồng Tháp) đã bắt quả tang 2 vụ đánh bạc quy mô lớn song người có thẩm quyền của các CQĐT nêu trên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các đối tượng đánh bạc, tổ chức đánh bạc trong vụ án mà chỉ ra quyết định xử phạt hành chính là bỏ lọt tội phạm.

- Về tội “*Ra quyết định trái pháp luật*” (Điều 296). Đã khởi tố điều tra 12 vụ/ 9 bị can. Tội phạm được thực hiện bởi các hành vi ra các quyết định trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Ở đây được hiểu là một văn bản tố tụng được xác lập trong từng giai đoạn tố tụng như quyết định đình chỉ điều tra, quyết định kê biên tài sản, quyết định tạm đình chỉ thi hành án, quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự... Tính trái pháp luật của quyết định thể hiện ở chỗ không có căn cứ hoặc

không đúng với căn cứ theo quy định của pháp luật, có thể trái toàn bộ nội dung hoặc một phần của quyết định. Tình tiết gây thiệt hại cho lợi ích Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân là yếu tố bắt buộc trong cấu thành tội này. Điển hình vụ “*Ra quyết định trái pháp luật*” xảy ra tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, bị can trong vụ án này là Trịnh Ngọc Chung, nguyên Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Trong quá trình thực hiện quyết định ủy thác thi hành án của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, ngày 28/6/2011, Chung đã ban hành quyết định cưỡng chế giao nhà (ở địa chỉ 194 phố Huế, Hà Nội) cho người trúng đấu giá trái pháp luật, bởi trước đó, chính Chung đã ký quyết định đình chỉ thi hành án, sau khi có quyết định giám đốc thẩm của Tòa Kinh tế TAND tối cao; thiệt hại do quyết định cưỡng chế giao nhà trái pháp luật gây thiệt hại cho gia đình ông Hoàng Ngọc Minh, chủ sở hữu ngôi nhà lên tới hơn 6,6 tỷ đồng.

- Về tội “*Dùng nhục hình*” (Điều 298). Đã khởi tố điều tra 10 vụ/ 17 bị can. Tội phạm được thực hiện bởi hành vi như đánh đập, bắt nhịn đói, nhịn khát, không cho ngủ, xét hỏi suốt ngày đêm... gây mệt mỏi về tinh thần, đau đớn về thể xác cho người đang bị điều tra, truy tố, xét xử, người đang bị giam, giữ. Do đó, chủ thể phải là những người có trách nhiệm trong các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án như ĐTV, KSV, Thẩm phán, những người đang làm công tác quản lý các Nhà tạm giữ, Trại tạm giam. Trên thực tế, hành vi dùng nhục hình chủ yếu phát sinh trong hoạt động điều tra thu thập chứng cứ của CQĐT. Một số vụ án tính chất nghiêm trọng, phức tạp, ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng, được các cơ quan Đảng, Nhà nước và dư luận đặc biệt quan tâm. Điển hình vụ 5 Công an Thành phố Tuy Hòa (Phú Yên) dùng nhục hình gây ra cái chết đối với anh Ngô Thanh Kiều (32 tuổi, trú tại xã Hòa Đồng, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên) vào ngày 13/5/2012. Cục 6 đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can với Nguyễn Minh Quyền, Nguyễn Thân Thảo Thành, Nguyễn Tấn Quang, Phạm Ngọc Mẫn và Đỗ Như Huy để điều tra về hành vi “*Dùng nhục hình*” dẫn tới chết người; sau đó đã khởi tố bị can đối với Lê Đức Hoàn, nguyên Phó trưởng công an Thành phố Tuy Hòa (tỉnh Phú Yên) về hành vi “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” trong vụ án dùng nhục hình dẫn tới chết người gây xôn xao dư luận nêu trên. Trong thời điểm hiện nay, dư luận cũng đặc biệt quan tâm đến vụ Nguyễn Hoàng Quân, nguyên Thiếu tá, ĐTV

Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Sóc Trăng và Triệu Tấn Hưng (nguyên ĐTV Công an tỉnh Sóc Trăng) có hành vi bức cung, dùng nhục hình dẫn đến khởi tố, bắt giam oan, sai 7 người về hành vi Giết người, Che dấu tội phạm xảy ra tại tỉnh Sóc Trăng. Liên quan vụ việc, ông Phạm Văn Núi, nguyên Kiểm sát viên VKSND tỉnh Sóc Trăng bị khởi tố về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Về tội “*Làm sai lệch hồ sơ vụ án*” (Điều 300). Đã khởi tố điều tra 7 vụ/ 6 bị can. Tội phạm được thực hiện bởi các hành vi thêm, bớt, đánh tráo, sửa đổi, hủy bỏ hoặc cố ý làm hỏng các tài liệu, vật chứng của vụ án nhằm mục đích làm cho hồ sơ của vụ án bị sai lệch, không đúng với thực tế khách quan mà vụ án đó đã xảy ra như sửa chữa kết luận giám định thương tích; thêm bớt vật chứng của vụ án; sửa chữa, thêm bớt lời khai của bị can, người bị hại, người làm chứng; sửa chữa biên bản phiên tòa, biên bản nghị án...Chủ thể của tội phạm có thể là ĐTV, KSV, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án, Người bào chữa...Điển hình vụ “*Làm sai lệch hồ sơ vụ án*” xảy ra tại Bắc Giang, Đặng Thế Vinh, nguyên KSV thuộc VKSND tỉnh Bắc Giang và Trần Nhật Luật, Phó trưởng công an huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang trong quá trình điều tra, truy tố vụ án Giết người xảy ra ngày 15/8/2003 tại thôn Me, xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã có hành vi làm sai lệch hồ sơ vụ án dẫn đến hậu quả ông Nguyễn Thanh Chấn (trú tại xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) bị kết tội Giết người, tuyên án chung thân và phải ngồi tù oan 10 năm, đặc biệt gây xôn xao dư luận về sai phạm nghiêm trọng của cán bộ ngành tư pháp.

- Về tội “*Thiếu trách nhiệm để người bị giam, giữ trốn*” (Điều 301). Đã khởi tố điều tra 16 vụ/ 22 bị can. Trong loại tội này, người phạm tội là những người có trách nhiệm trong việc quản lý, canh gác, dẫn giải người đang bị giam, giữ như Giám thị, quán giáo, cán bộ dẫn giải, ĐTV...đã thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, canh gác, dẫn giải người bị giam, giữ để cho người đó trốn. Điển hình vụ: “Thiếu trách nhiệm để người bị giam trốn” xảy ra tại Công an quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Thiếu tá Lê Hoàng Đô (SN 1957), nguyên Đội trưởng đội cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp Nhà tạm giữ; Trung tá Lê Văn Ngo (SN 1960), nguyên Đội phó Đội cảnh sát bảo vệ và hỗ trợ tư pháp Nhà tạm giữ; Lê Hoàng Vũ (SN 1989), chiến sĩ nghĩa vụ, trong những tháng đầu năm 2010 liên tục để xảy ra 3 vụ, 5 đối tượng bỏ trốn khỏi Nhà tạm giữ và khi

đi chữa bệnh, trong đó có Nguyễn Đình Tuấn (phạm tội Vận chuyển trái phép chất ma túy và đã có 5 tiền án) được đưa đi chữa bệnh tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Thành phố Cần Thơ đã bỏ trốn khỏi bệnh viện. Liên quan đến vụ việc, một chiến sĩ khác bị tước danh hiệu Công an nhân dân, hai chiến sĩ Cảnh sát bảo vệ bị khiển trách, 5 cán bộ, chiến sĩ bị kiểm điểm... Đặc biệt một số trường hợp sau khi trốn khỏi nơi giam, giữ, đối tượng lại tiếp tục phạm tội. Điển hình là vụ Hoàng Văn Chung (SN 1981, ngụ tại Chí Linh, tỉnh Hải Dương) nguyên thiếu úy, cán bộ trại giam Hoàng Tiến (Hải Dương) phạm tội “*Thiếu trách nhiệm để phạm nhân trốn khỏi nơi giam*”, trong khi dẫn giải phạm nhân từ khu vực giam giữ ra lao động, để Đào Ngọc Anh là phạm nhân đang chấp hành án phạt 9 năm 6 tháng tù giam tại Trại giam Hoàng Tiến bỏ trốn khỏi trại giam và cùng đồng bọn gây ra vụ án giết người bằng súng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.

- Tội “*Không thi hành án*” (Điều 305). Đã khởi tố 1 vụ/ 1 bị can. Tội “*Đánh tháo người bị giam, giữ, người đang bị dẫn giải, người đang bị xét xử*”. Đã khởi tố 2 vụ/ 6 bị can.

Về diễn biến tội phạm, căn cứ số liệu thống kê cho thấy, số vụ xâm phạm HĐTP có xu hướng tăng từ năm 2011 đến năm 2015 và giảm trong hai năm gần đây, chỉ riêng tội “*Làm sai lệch hồ sơ vụ án*” có xu hướng tăng dần tuy số vụ không lớn (năm 2014 tăng 1 vụ, năm 2015 tăng 1 vụ). Qua số liệu đã trình bày trên đây, có thể hình dung phần nào diễn biến của các tội xâm phạm HĐTP trong thời gian qua. Tuy nhiên, số liệu đã nêu chưa phản ánh được thực tế diễn biến các tội xâm phạm HĐTP. Có thể thấy rằng số lượng án xâm phạm HĐTP khởi tố thấp hơn nhiều so với tội phạm xảy ra trên thực tế, có thể lấy ví dụ chứng minh cho nhận định trên.

Trong 5 năm từ 2011 đến 2015, Toàn quốc khởi tố 713 vụ án theo Điều 311 về tội “*Trốn khỏi nơi giam, giữ...*”. Hành vi trốn khỏi nơi giam, giữ thường gắn liền với hành vi thiếu trách nhiệm để người bị giam, giữ trốn, tuy nhiên trong 5 năm qua chỉ có 16 vụ/ 22 bị can bị khởi tố về tội “*Thiếu trách nhiệm để người bị giam, giữ trốn*” là chưa phản ánh đúng diễn biến thực tế của tội phạm này.

Một ví dụ khác, theo số liệu thống kê của VKSND tối cao, chỉ tính trong năm 2014 trên toàn quốc, có 57 bị can các cơ quan tố tụng phải đình chỉ điều tra vì không tội theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 107 Bộ luật TTHS (có 14 bị can đã bị tạm giam);

năm 2013 có 77 bị can đình chỉ điều tra vì không tội (có 11 bị can đã bị tạm giam). Thế nhưng Cục 1 khởi tố vụ án hình sự về các tội như “*Dùng nhục hình*”, “*Làm sai lệch hồ sơ vụ án*” so với thực trạng trên là quá ít. Đặc biệt không khởi tố được một vụ án nào về tội “*Truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội*” cũng như tội “*Ép buộc nhân viên tư pháp làm trái pháp luật*”. Điều này rõ ràng không phản ánh đúng tình hình tội phạm, nhất là tội phạm do những người có chức vụ, quyền hạn trong HĐTP thực hiện.

Qua đó có thể thấy rằng, còn một phần đáng kể các tội do những người có chức vụ, quyền hạn trong HĐTP không bị phát hiện, không bị khởi tố hoặc không nằm trong số liệu thống kê hình sự, đây là phần tội phạm ẩn. Thực trạng này có nhiều nguyên nhân, trước hết do chủ thể của nhóm tội này là chủ thể đặc biệt, có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan tư pháp, am hiểu pháp luật, có sự tác động, bên vực từ chính các cơ quan tư pháp, có kinh nghiệm đối phó cho nên thủ đoạn phạm tội rất tinh vi, khả năng che giấu dấu vết tội phạm cao. Không ít trường hợp cơ quan tư pháp chủ quản của đối tượng phạm tội tìm cách can thiệp để được xử lý nội bộ, không tích cực phối hợp, thậm chí còn gây trở ngại cho hoạt động điều tra. Người phạm tội cũng muốn dựa vào cơ quan để lần tránh trách nhiệm, đối phó với CQĐT. Một số vụ án xâm phạm HĐTP nghiêm trọng khi đưa ra truy tố, xét xử nhưng việc giải quyết vụ án bị dây dưa, kéo dài và mức xử phạt chưa nghiêm, chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm này. Điển hình vụ: Trịnh Ngọc Chung, nguyên Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng phạm tội “*Ra quyết định trái pháp luật*” khi ban hành quyết định cưỡng chế trái pháp số nhà 194 Phố Huế. Vụ án được Cục 1 ra quyết định khởi tố ngày 28/10/2011, sau 3 năm mới được đưa ra xét xử (tháng 7/2014) và Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo. Ngoài ra còn có nguyên nhân Cơ quan điều tra VKSND tối cao chỉ được tổ chức ở cấp Trung ương, không có sự phối hợp, hỗ trợ của các đơn vị trinh sát, không có trại tạm giam, bộ phận kỹ thuật hình sự và các đơn vị hỗ trợ tư pháp trong Ngành do đó việc phát hiện, điều tra thường gặp nhiều khó khăn. Đánh giá đúng thực tế diễn biến các tội xâm phạm HĐTP, kể cả các tội đã và chưa được thống kê, nguyên nhân của tình hình tội

phạm có ý nghĩa quan trọng để tìm ra các giải pháp thích hợp đấu tranh phòng, chống có hiệu quả đối với các tội phạm này.

2.2. Đánh giá thực trạng chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra

2.2.1. Trong hoạt động khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can

Để nâng cao chất lượng công tố trong hoạt động khởi tố vụ án hình sự, VKS đã nâng cao trách nhiệm trong việc kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định khởi tố vụ án hình sự và không khởi tố vụ án hình sự của các cơ quan có thẩm quyền; kịp thời phát hiện những sai lầm trong quyết định khởi tố vụ án hoặc không khởi tố vụ án hình sự để có biện pháp khắc phục, bảo đảm mọi tội phạm đã phát hiện, nếu không có căn cứ để không khởi tố vụ án thì đều phải được khởi tố, mọi quyết định khởi tố vụ án không có căn cứ đều phải được hủy bỏ. Đồng thời đã tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động khởi tố bị can, nghĩa là tăng cường trách nhiệm của VKS trong việc kiểm tra, xác minh tính có căn cứ và hợp pháp của các tài liệu, chứng cứ để thực hiện tốt việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; hủy bỏ quyết định khởi tố bị can của CQĐT; yêu cầu CQĐT khởi tố bị can hoặc tự mình quyết định khởi tố bị can chuyển cho CQĐT tiến hành điều tra nhằm bảo đảm bất cứ người thực hiện hành vi phạm tội nào, nếu không có những căn cứ loại trừ trách nhiệm hình sự, đều phải bị khởi tố bị can để tiến hành điều tra, xử lý trước pháp luật; đồng thời, bảo đảm các quyết định khởi tố bị can đều có căn cứ và hợp pháp.

Đối với các tội xâm phạm HĐTP, “là những hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của các CQĐT, kiểm sát, xét xử và thi hành án trong việc bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân” [23] thì việc xem xét khởi tố hình sự những hành vi này đặc biệt không được phép oan, sai, vi phạm pháp luật, vì như thế là “xâm phạm hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp” đến hai lần, sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của các cơ quan tư pháp cũng như gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Vì vậy trong những năm qua, VKS đã rất chú trọng làm tốt công tác THQCT ở giai đoạn điều tra trong khởi tố vụ án, khởi tố bị can tội phạm xâm phạm HĐTP, bảo đảm mọi tội phạm phát hiện đều được khởi tố, việc khởi tố vụ án, bị can có căn cứ, hợp pháp, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm. Thực hiện Chỉ thị của Viện trưởng VKSND tối cao về việc gắn công tố với điều tra, KSV thực hành

quyền công tố đã bám sát CQĐT từ giai đoạn kiểm sát hoạt động giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm. Khi nhận được Quyết định khởi tố vụ án kèm theo hồ sơ tài liệu của CQĐT, KSV được phân công thụ lý luôn nghiên cứu kỹ hồ sơ, tài liệu chặt chẽ, khách quan, kể cả chứng cứ buộc tội và gỡ tội, đề xuất chính xác về đường lối xử lý cũng như tội danh đã khởi tố; bảo đảm việc phê chuẩn khởi tố bị can chính xác. Do đó, các quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can về tội xâm phạm HĐTP của CQĐT đều có căn cứ và đúng pháp luật. Trong 5 năm qua, tuy số lượng án xâm phạm HĐTP chiếm tỷ lệ không cao, chỉ chiếm tỷ lệ 7% tổng số án hình sự kiểm sát điều tra của VKSND tối cao (729 vụ), song không để xảy ra vụ nào oan, sai đã góp phần củng cố vị thế của ngành trong khối các cơ quan tư pháp và nâng cao thành tích chung cho ngành Kiểm sát nhân dân (xem bảng 2.4).

Bảng 2.3: So sánh tỉ lệ án xâm phạm HĐTP trong tổng số án thụ lý THQCT, của VKSND tối cao từ năm 2011-2015

Năm	Số vụ			Số bị can		
	Tổng số án VKSND tối cao thụ lý	Tổng số án xâm phạm HĐTP	Tỷ lệ %	Tổng số bị can VKSND tối cao thụ lý	Các tội xâm phạm HĐTP	Tỷ lệ %
2011	144	4		473	9	2
2012	103	9		344	16	5
2013	256	17		907	21	2
2014	98	16		558	14	3
2015	128	7		707	7	1
Tổng	729	53	7%	2989	67	2%

Nguồn: Báo cáo thống kê của Cục TKTP&CNTT, VKSND tối cao năm 2011-2015.

2.2.2. Trong hoạt động duy trì công tố ở giai đoạn điều tra

Thứ nhất, về yêu cầu điều tra:

Yêu cầu điều tra là hoạt động tố tụng quan trọng trong THQCT của Việt kiểm sát. Khi THQCT trong giai đoạn điều tra, VKS có nhiệm vụ và quyền hạn : Đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra; khi xét thấy cần thiết, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra theo quy định của Bộ luật TTHS. Cần phải khẳng định rằng, việc “đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra” là một quyền năng quan trọng và cơ bản, đồng thời nó cũng thể hiện trình độ năng lực của KSV khi

THQCT trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Hoạt động điều tra có đúng hướng, đầy đủ hay không, có kịp thời, hiệu quả hay không một phần rất lớn phụ thuộc vào việc đề ra các yêu cầu điều tra của KSV, vì yêu cầu điều tra có tính định hướng cho hoạt động điều tra. Thực tiễn đã chỉ ra rằng, nếu KSV có trình độ, năng lực, bám sát tiến độ điều tra, nắm chắc hồ sơ vụ án thì đề ra được yêu cầu điều tra có chất lượng, giúp ích rất nhiều cho ĐTV nhằm giải quyết vụ án khách quan, toàn diện và triệt để, góp phần hạn chế oan, sai hoặc phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm kéo dài việc giải quyết vụ án, qua đó, uy tín của KSV đối với ĐTV và CQĐT được nâng cao. Ngược lại, nếu KSV có trình độ, năng lực hạn chế, không nắm chắc tiến độ, nội dung vụ án thì chỉ đề ra những yêu cầu chung chung, thậm chí không cần thiết làm cho ĐTV không thể thực hiện được, ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ và kết quả điều tra đối với vụ án.

Trong những năm qua, việc đề ra các yêu cầu điều tra đã được các KSV quan tâm và coi trọng nên chất lượng và hiệu quả của bản yêu cầu điều tra từng bước được nâng lên. Các yêu cầu điều tra đã sát đúng với quy định của pháp luật, phản ánh đúng thực trạng những mâu thuẫn, vướng mắc về chứng cứ, tội danh đối với từng vụ án cụ thể và có căn cứ pháp luật. Chính vì vậy, những năm gần đây, số vụ án xâm phạm HĐTP phải trả hồ sơ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng ngày càng giảm, không để xảy ra tình trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung với chính lý do VKS đã yêu cầu, không có bị can, bị cáo phải đình chỉ điều tra vì không phạm tội hoặc Tòa án tuyên không phạm tội (*xem bảng 2.5*).

Bảng 2.4: Thống kê số liệu thụ lý THQCT các tội xâm phạm HĐTP của VKSND từ năm 2011-2015

Đơn vị tính: vụ, bị can

Năm	Vụ/bị can	Thụ lý KSĐT	Đình chỉ điều tra	Tạm đình chỉ điều tra	Đề nghị truy tố	Số văn bản yêu cầu điều tra	VKS trả hồ sơ ĐTB
2011	Vụ	8			5	8	
	Bị can	15			8		
2012	Vụ	9		1	5	9	
	Bị can	16		2	7		
2013	Vụ	17	2		10	17	1
	Bị can	21	2		13		1

2014	Vụ	16	2	1	14	14	1
	Bị can	14	3	1	17		1
2015	Vụ	7		3	11	9	
	Bị can	7			17		
Tổng số	Vụ	57	4	5	45	57	2
	Bị can	73	5	3	62		2

Nguồn: Báo cáo thống kê, của Cục TKTP&CNTT, VKSND tối cao năm 2011-2015.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, việc đề ra yêu cầu điều tra còn hạn chế như: Bản yêu cầu điều tra còn chung chung, sơ sài, chưa bám sát các quy định của Bộ luật TTHS và chưa theo mẫu do VKSND tối ban hành...

Thứ hai, về Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ở giai đoạn điều tra:

Theo Khoản 3 Điều 13 Luật tổ chức VKSND năm 2002, và nay là ĐiềuLuật Tổ chức VKSND năm 2013, quy định khi THQCT trong giai đoạn điều tra, VKSND có quyền “*Quyết định áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam và các biện pháp ngăn chặn khác, phê chuẩn, không phê chuẩn các quyết định của CQĐT theo quy định của pháp luật*”.

- Về bắt, tạm giữ

VKS đã tập trung thực hiện tốt công tác bắt giữ và phân loại xử lý ngay từ đầu, cán bộ, KSV luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, kiểm tra chặt chẽ về mặt thủ tục căn cứ bắt, tạm giữ, trường hợp cần thiết, KSV trực tiếp hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ đảm bảo việc bắt, tạm giữ thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Trong 5 năm (2011-2015) VKSND tối cao kiểm sát bắt tạm giữ hình sự 73 trường hợp (bắt khẩn cấp 12, bắt đầu thú, tự thú 61). Các quyết định phê chuẩn, quyết định không phê chuẩn đối với các trường hợp bắt, tạm giữ của CQĐT đã khắc phục được những sai sót trong việc bắt, giữ như lạm dụng bắt khẩn cấp hoặc việc bắt giữ vi phạm các thủ tục TTHS. 100% các trường hợp bắt tạm giữ hình sự đều chuyên khởi tố. Các trường hợp bắt khẩn cấp đều được VKS phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp. Không có trường hợp nào VKS phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, sau đó trả tự do vì không phạm tội.

- Về bắt tạm giam:

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra, VKSND tối cao ở Việt nam đã kịp thời nhưng cần trọng trong việc phê chuẩn các lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh tạm giam của CQĐT; quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp tạm giam; quyết định gia hạn tạm giam để điều tra đối với các bị can thuộc nhóm tội xâm phạm HĐTP, bảo đảm việc ra các quyết định có căn cứ, đúng pháp luật. Đặc điểm chủ thể tội phạm án xâm phạm HĐTP là chủ thể đặc biệt, có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan tư pháp. Trước khi phạm tội, họ vốn là cán bộ, có thể là đảng viên, có chức vụ quản lý, có nhiều thành tích đóng góp trong hoạt động của ngành, vì vậy trong nhóm tội này, số lượng bị can, bị cáo bị bắt tạm giam trong giai đoạn điều tra không nhiều. Thực tiễn cho thấy, việc bắt tạm giam phải được xem xét phê chuẩn đối với từng trường hợp, từng đối tượng cụ thể; đối với trường hợp bắt, giam cũng được, không bắt giam cũng được thì không bắt, giam. VKSND tối cao đã thực hiện chức năng kiểm sát áp dụng thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn một cách chặt chẽ trên cơ sở diễn biến của quá trình điều tra, đảm bảo tính có căn cứ và hợp pháp, tất cả các quyết định phê chuẩn, thay đổi biện pháp ngăn chặn đều được thực thi. Kết quả trong những năm qua, không có bị can nào bị tạm giam, sau đó trả tự do vì bị can không thực hiện hành vi phạm tội, chuyển xử lý hành chính, xử lý kỷ luật do hành vi của bị can không cấu thành tội phạm. Không có trường hợp nào VKS huỷ bỏ biện pháp tạm giam, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác, sau đó bị can phạm tội mới, bỏ trốn phải ra lệnh truy nã (*xem bảng 2.6*).

Bảng 2.5: Thống kê số liệu kiểm sát bắt tạm giam bị can án xâm phạm HĐTP từ năm 2011-2015

Đơn vị tính: bị can

Năm	Tổng số tạm giam	VKS phê chuẩn	
		Bắt tạm giam	Tạm giam
2011	2	1	1
2012	3	2	1
2013	4	2	2

2014	3	2	1
2015	2	2	
Tổng	14	9	5

Nguồn: Báo cáo thống kê, của Cục TKTP&CNTT, VKSND tối cao năm 2011-2015.

2.2.3. Trong hoạt động kết thúc công tố ở giai đoạn điều tra

Những hoạt động kết thúc công tố ở giai đoạn điều tra án hình sự bao gồm: truy tố bị can và đình chỉ vụ án. Trong trường hợp truy tố bị can, hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra kết thúc, chuyển sang giai đoạn tố tụng khác, đó là THQCT trong giai đoạn xét xử sơ thẩm án hình sự. Trong trường hợp đình chỉ vụ án, hoạt động công tố trong giai đoạn điều tra kết thúc, đồng thời chấm dứt tố tụng đối với vụ án. Trong 5 năm qua, số án xâm phạm HĐTP Cục 1 kết thúc điều tra chuyển đến Vụ 6 để thụ lý, giải quyết là 45 vụ 62 bị can, chiếm tỷ lệ 24,6% tổng số án thụ lý giải quyết của Vụ 6 (183 vụ) và chiếm tỷ lệ 10,7% tổng số án hình sự thụ lý giải quyết của VKSND tối cao (421 vụ). Vụ 6 đã truy tố 21 vụ 23 bị can, tỷ lệ truy tố đạt 46,7% trên tổng số án đơn vị thụ lý giải quyết. 100% các vụ án chuyển cho các địa phương truy tố, xét xử hoặc ủy quyền xét xử đều được xét xử theo quy định của pháp luật, đúng người, đúng tội, không có trường hợp nào bị khởi tố, điều tra, truy tố mà Tòa án tuyên không có tội. Đối với các vụ án đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự đều đảm bảo tính có căn cứ, không có trường hợp nào phải đình chỉ điều tra do không phạm tội, (*xem bảng 2.7*).

**Bảng 2.6: Thống kê số liệu án xâm phạm HĐTP
do Vụ 6, VKSND tối cao thụ lý giải quyết từ năm 2011-2015**

Đơn vị tính: vụ, bị can

Năm	Vụ/bị can	Tổng số thụ lý giải quyết	Đình chỉ	Tạm đình chỉ	Chuyển đi nơi khác	Truy tố
2011	Vụ	5	1		2	4
	Bị can	8	1			4
2012	Vụ	5	1		2	3
	Bị can	7	1			3
2013	Vụ	10	2		5	9

	Bị can	13	3		13	10
2014	Vụ	14	2			3
	Bị can	17	7			4
2015	Vụ	11			7	2
	Bị can	17			12	2
Tổng số	Vụ	45	6	0	16	21
	Bị can	62	12	0	25	23

Nguồn: Báo cáo tổng kết công tác của Vụ 6 từ năm 2011-2015.

2.2.4. Về việc đình chỉ điều tra và tạm đình chỉ điều tra

Khởi tố vụ án hình sự là sự kiện pháp lý mở ra toàn bộ hoạt động điều tra vụ án hình sự. Nhưng trong quá trình điều tra, truy tố; vụ án phải tạm đình chỉ hoặc đình chỉ khép lại toàn bộ hoạt động điều tra, truy tố vụ án nếu thuộc các trường hợp quy định tại các Điều 160, 164 và Điều 169 Bộ luật TTHS năm 2003. Theo số liệu thống kê, trong 5 qua, số vụ án, bị can phạm tội xâm phạm HĐTP Vụ 6 đình chỉ là 6 vụ/ 12 bị can, chiếm tỷ lệ hơn 13% tổng án xâm phạm HĐTP VKS thụ lý giải quyết. Các trường hợp VKS đình chỉ chủ yếu thuộc loại tội “Thiếu trách nhiệm để người bị giam, giữ trốn” (Điều 301), lý do đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự. Các trường hợp VKS đình chỉ đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để xảy ra trường hợp đình chỉ bị can không phạm tội, không có trường hợp nào VKS hủy bỏ quyết định đình chỉ điều tra của CQĐT và ra quyết định truy tố. Đối với các vụ án đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự đều đảm bảo tính có căn cứ, đúng pháp luật. VKS không tạm đình chỉ vụ án, bị can nào.

2.2.5. Ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của chất lượng thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát nhân dân tối cao ở Việt Nam

2.2.5.1. Ưu điểm và nguyên nhân của chất lượng thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam

** Ưu điểm:*

Trong 5 năm qua, công tác THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP đã không ngừng được tăng cường, đổi mới về phương pháp và hoạt động, đạt được những kết quả đáng khích lệ, thể hiện ở các nội dung sau:

- Trong hoạt động tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, đã chủ động phối hợp với CQĐT trong việc triển khai các biện pháp quản lý và xử lý tố giác, tin báo về tội phạm xâm phạm HĐTP, bám sát CQĐT từ giai đoạn tiếp nhận, thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhằm hạn chế việc khởi tố oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

- Trong hoạt động khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, VKS đã nâng cao trách nhiệm trong việc kiểm tra tính có căn cứ và hợp pháp của các quyết định khởi tố vụ án hình sự và không khởi tố vụ án hình sự của CQĐT; kịp thời phát hiện những sai sót trong quyết định khởi tố vụ án hoặc không khởi tố vụ án hình sự để có biện pháp khắc phục, bảo đảm mọi tội phạm phát hiện đều phải được khởi tố, mọi quyết định khởi tố vụ án không có căn cứ đều phải được hủy bỏ. Do đó các quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can về tội xâm phạm HĐTP của CQĐT đều đảm bảo có căn cứ và đúng pháp luật.

- Trong hoạt động duy trì công tố trong giai đoạn điều tra

+ Việc đề ra các yêu cầu điều tra đã được các KSV quan tâm và coi trọng nên chất lượng và hiệu quả của bản yêu cầu điều tra từng bước được nâng lên. Các yêu cầu điều tra đã sát đúng với quy định của pháp luật, phản ánh đúng thực trạng những mâu thuẫn, vướng mắc về chứng cứ, tội danh đối với từng vụ án cụ thể và có căn cứ pháp luật. Chính vì vậy, đã hạn chế được tình trạng trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

+ Về quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ở giai đoạn điều tra

VKS đã tập trung thực hiện tốt công tác bắt giữ, kiểm tra chặt chẽ về mặt thủ tục căn cứ bắt, tạm giữ đảm bảo việc bắt, tạm giữ thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. 100% các trường hợp bắt, tạm giữ hình sự đều chuyển khởi tố. Các trường hợp bắt khẩn cấp đều được VKS phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp. Không có trường hợp nào VKS phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, sau đó trả tự do vì không phạm tội.

Kịp thời nhưng cần trọng trong việc phê chuẩn Lệnh tạm giam đối với bị can của CQĐT, thực hiện chức năng kiểm sát áp dụng thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn một cách chặt chẽ trên cơ sở diễn biến của quá trình điều tra, đảm bảo tính có căn cứ

và hợp pháp. Kết quả trong những năm qua, không có bị can nào bị tạm giam, sau đó trả tự do vì bị can không thực hiện hành vi phạm tội, chuyển xử lý hành chính, xử lý kỷ luật do hành vi của bị can không cấu thành tội phạm. Không có trường hợp nào VKS hủy bỏ biện pháp tạm giam, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác, sau đó bị can phạm tội mới, bỏ trốn phải ra lệnh truy nã.

- Trong hoạt động kết thúc công tố trong giai đoạn điều tra, VKS đã nâng cao chất lượng hoạt động truy tố, 100% các vụ án, VKSND tối cao chuyển cho các địa phương truy tố, xét xử hoặc ủy quyền xét xử đều được xét xử theo quy định của pháp luật, đúng người, đúng tội. Không có trường hợp nào bị khởi tố, điều tra, truy tố mà Tòa án tuyên không có tội hoặc tuyên tội danh khác với tội danh mà VKS đã truy tố. Đối với các vụ án đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự đều đảm bảo tính có căn cứ, không có trường hợp nào phải đình chỉ điều tra do không phạm tội.

** Nguyên nhân của ưu điểm*

Một là, công tác tư pháp trong những năm qua được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, nhiều Chỉ thị, Nghị quyết về cải cách tư pháp, về đấu tranh phòng, chống tội phạm đã được ban hành và tổ chức thực hiện. Đây chính là kim chỉ nam để các cơ quan tư pháp nói chung, VKSND nói riêng lãnh đạo, chỉ đạo toàn ngành chuyển biến tích cực cả về tổ chức và hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

Hai là, VKSND tối cao đã chủ động phối hợp với các cơ quan tư pháp Trung ương ban hành các thông tư liên ngành hướng dẫn thi hành BLHS và Bộ luật TTHS. Ban hành Quy chế về THQCT và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự, Quy chế tổ chức và hoạt động của CQĐT VKSND tối cao (Cục 1), của Vụ THQCT và kiểm sát điều tra án hình sự về trật tự xã hội (Vụ 6); Quy chế về quan hệ phối hợp giữa Cục 1 với Vụ 6 VKSND tối cao trong việc “tiếp nhận, giải quyết, kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và điều tra, truy tố các vụ án hình sự”, Quy chế về thông tin báo cáo và quản lý công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân.... Đây là những văn bản đặc thù của ngành tạo cơ sở cho việc nâng cao chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các vụ án xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam

Ba là, VKSND tối cao đã tăng cường trách nhiệm THQCT trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra, bám sát hoạt động của CQĐT từ khi tiếp nhận,

thụ lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn cũng như việc xem xét phê chuẩn đề nghị áp dụng các biện pháp ngăn chặn, trong đó chủ yếu là biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam của VKS đã được tiến hành khẩn trương, khách quan và thận trọng. Việc ra quyết định truy tố, đình chỉ đảm bảo chính xác, kịp thời, đúng quy định của pháp luật, không oan, sai, hay bỏ lọt tội phạm.

Bốn là, trong những năm qua, đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên VKSND tối cao không ngừng được kiện toàn và phát triển, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được chú trọng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ Kiểm sát “*Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm, bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm*” đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Năm là, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc và chế độ chính sách đối với cán bộ các cơ quan tư pháp nói chung, đối với ngành Kiểm sát nói riêng đã từng bước được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư hoàn thiện. Về cơ bản, VKSND tối cao có trụ sở làm việc ổn định, các trang thiết bị để phục vụ công tác THQCT và kiểm sát điều tra dần được nâng cao.

Sáu là, nhận thức của người dân trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và các tội xâm phạm HĐTP nói riêng được nâng cao, giúp cho người dân có ý thức nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật đồng thời giám sát việc thi hành pháp luật của các cơ quan nhà nước, của cán bộ, công chức. Các cơ quan thông tin đại chúng như báo, đài phát thanh, truyền hình phát huy trách nhiệm phương tiện truyền thông trong việc tuyên truyền công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, tích cực điều tra phóng sự, đưa tin kịp thời về những vi phạm liên quan tới tội phạm nói chung và đặc biệt là những thông tin vi phạm liên quan tới chủ thể là những người công tác tại các cơ quan tư pháp. Do vậy các cơ quan chức năng kịp thời nắm được các sự vụ xảy ra, từ đó sớm có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

2.2.5.2. *Hạn chế và nguyên nhân của chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm HĐTP trong giai đoạn điều tra*

* *Hạn chế:*

Mặc dù công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm HĐTP đạt được nhiều kết quả, nhiều vi phạm của cán bộ trong các cơ quan tư pháp được xử lý nghiêm minh, trong đó có cả những cán bộ giữ các chức vụ chủ chốt trong các cơ quan tiền hành tố tụng., bên cạnh đó, công tác này còn có một số hạn chế thể hiện ở các nội dung sau:

- Số lượng tin báo tội phạm về lĩnh vực này được phát hiện so với thực tế vẫn còn ít nên việc xử lý chỉ ở mức độ nhất định chưa tương xứng với tình hình tội phạm xảy ra, vẫn còn để xảy ra việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm quá hạn.

- Chất lượng THQCT trong giai đoạn điều tra tuy đã được nâng lên song có vụ chưa đáp ứng được yêu cầu, còn để xảy ra trường hợp tra hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiền hành tố tụng, dẫn đến chậm tiến độ giải quyết án, mất nhiều thời gian, công sức để điều tra bổ sung nhằm khắc phục những thiếu sót của hoạt động điều tra ban đầu.

- Một số KSV còn biểu hiện tư tưởng ngại va chạm, xuôi chiều hoặc thỏa hiệp nên không sâu sát, kịp thời phát hiện những thiếu sót của CQĐT hoặc tuyệt đối hóa quan hệ phối hợp để lợi lộng trách nhiệm.

- Phương châm THQCT đòi hỏi ngành Kiểm sát phải kết hợp chặt chẽ giữa chống tội phạm với phòng ngừa tội phạm, nhưng đi vào tổ chức thực hiện đến nay vẫn còn nhiều lúng túng, coi nhẹ, chưa đi sâu phân tích, tìm hiểu nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tình trạng phạm tội. Phòng ngừa tội phạm qua giải quyết án hình sự của VKS còn hạn chế, chưa gắn thống kê tội phạm với việc phân tích tội phạm để tham mưu cho Đảng và Nhà nước về phòng ngừa tội phạm, gắn đấu tranh phòng, chống tội phạm với việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Khó khăn trong việc xác định thẩm quyền điều tra

Trong tổng số án xâm phạm HĐTP xảy ra trên toàn quốc, Cơ quan điều tra VKSND tối cao chỉ thụ lý điều tra chỉ ở mức độ, ít hơn nhiều so với thực tế xảy ra. Nguyên nhân do thẩm quyền điều tra giữa Cơ quan điều tra VKSND tối cao với Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa có hướng dẫn liên ngành cụ thể. Theo hướng dẫn của ngành Kiểm sát tại quyết định 116 thì thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tối cao bao gồm những tội xâm phạm HĐTP được quy định tại Chương XXII BLHS nhưng chủ thể là những người công tác tại các cơ quan tư pháp và các tội được quy định ở các chương tội phạm khác nhưng do chủ thể là những người trong các cơ

quan tư pháp mà nguồn gốc tội phạm xuất phát từ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của họ hoặc những tội phạm phát sinh liên quan tới những vụ án thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra VKSND tối cao. Nhưng có nhiều vụ án tội phạm phát sinh từ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của những người công tác trong các cơ quan tư pháp nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra vẫn tiến hành thụ lý điều tra, có trường hợp Cơ quan điều tra VKS tối cao yêu cầu Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyên án đề Cục 6 điều tra theo thẩm quyền nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra của một số địa phương không thực hiện.

- Khó khăn trong việc xác định cấu thành đối với một số tội phạm xâm phạm HĐTP:

Việc phát hiện vi phạm, tội phạm trong lĩnh vực HĐTP trên thực tế đã khó, nhưng còn khó hơn khi xác định tội danh đối với một số vụ án trong quá trình điều tra, truy tố. Có những vụ án phải đưa ra họp liên ngành tư pháp nhiều cấp nhưng vấn đề xác định tội danh đang còn nhiều tranh cãi. Một số khó khăn vướng mắc đã xảy ra trong quá trình hoạt động thực tiễn giải quyết án xâm phạm HĐTP đó là:

Thứ nhất, khó khăn trong việc xác định chủ thể đối với tội “Không truy cứu TNHS đối với người có tội” được quy định tại Điều 294 BLHS. Cấu thành cơ bản của tội này, điều luật quy định chủ thể “là người có thẩm quyền trong các cơ quan tiến hành tố tụng”. Xuất phát từ việc quy định chung chung nên có nhiều cách hiểu, có quan điểm cho rằng, người có thẩm quyền theo Bộ luật TTHS phải là Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT trong việc ra quyết định khởi tố bị can, quy kết trách nhiệm hình sự đối với người không có tội trong Bản kết luận điều tra; Viện trưởng, Phó Viện trưởng trong việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, quy kết trách nhiệm hình sự đối với người không có tội trong Bản cáo trạng. ĐTV, KSV không phải là chủ thể của tội này bởi họ không có thẩm quyền đối với các quyết định trên nhưng họ có thể là đồng phạm với vai trò người giúp sức. Có quan điểm cho rằng chủ thể của tội này bao gồm ĐTV, KSV, Thẩm phán và cả những người có trách nhiệm bắt giữ liên quan tới tội phạm.

Thực tế có trường hợp một chiến sỹ Cảnh sát giao thông trên đường làm nhiệm vụ phát hiện bắt giữ một đối tượng chở hàng cấm trên xe ô tô, lượng hàng cấm đủ định lượng, số lượng phải xử lý hình sự nhưng người này không tạm giữ đối tượng để xem

xét xử lý hình sự. Trường hợp này chiến sĩ Cảnh sát giao thông có phạm tội “Không truy cứu trách nhiệm hình sự” hay không; hay trường hợp một ĐTV được giao nhiệm vụ xác minh một vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. ĐTV đó đã tiến hành đầy đủ các thao tác nghiệp vụ, xác định được hành vi và đối tượng phạm tội nhưng không đề xuất Thủ trưởng CQĐT khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can, để quá hạn xác minh quy định tại Điều 103 Bộ luật TTHS. Sau này qua công tác thanh tra, kiểm tra vụ việc được phát hiện và đối tượng phạm tội đã bị khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Có ý kiến cho rằng, ĐTV không đề xuất khởi tố là phạm tội “Không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội”; ý kiến khác cho rằng ĐTV đó không phạm tội “Không truy cứu...” vì không có quyền truy cứu trách nhiệm hình sự mà quyền đó là của Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQĐT.

Trường hợp đã xác định được chủ thể của tội “Không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội” (ví dụ người đó là Thủ trưởng CQĐT), nhưng tội phạm không bị truy cứu đó chưa được xét xử hoặc có trường hợp vụ án đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không thể khắc phục được để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có tội (người phạm tội trốn ra nước ngoài hoặc đã chết). Về trường hợp này có nhiều ý kiến khác nhau, có ý kiến cho rằng chỉ cần xác định một người thực hiện hành vi phạm tội tại thời điểm không bị truy cứu trách nhiệm hình sự có đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì người có hành vi không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội đủ yếu tố cấu thành tội “Không truy cứu...”, ý kiến khác, chưa đủ căn cứ khởi tố về tội “Không truy cứu...”. Bởi vụ án không bị truy cứu đó chưa được xét xử, chưa có bản án tuyên nên chưa có căn cứ xác định đối tượng không bị truy cứu có phạm tội hay không vì điều luật quy định với thuật ngữ “người có tội” mà theo quy định của pháp luật một người có tội hay không có tội chỉ xác định được khi Tòa án xét xử bằng một bản án có hiệu lực pháp luật.

Một khó khăn vướng mắc nữa trong việc xử lý đối với loại tội này là có trường hợp CQĐT ra quyết định khởi tố bị can nhưng khi hết thời hạn điều tra, ra quyết định tạm đình chỉ điều tra, đình chỉ điều tra trái pháp luật hoặc để quá thời hạn điều tra không ra một hình thức quyết định nào thì những người có liên quan có phạm tội “Không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội” hay không? Trường hợp ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra trái pháp luật đối với người có tội thì người ra

quyết định phạm tội “Ra quyết định trái pháp luật” hay tội “Không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội”?

Thứ hai, khó khăn trong việc xác định thế nào là “hồ sơ vụ án” trong tội “Làm sai lệch hồ sơ vụ án” theo quy định tại Điều 300 BLHS. Hiện nay có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm “*hồ sơ vụ án*”, có quan điểm cho rằng đã là hồ sơ vụ án thì các tài liệu trong hồ sơ vụ án bắt đầu từ khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, bởi vì sau khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự thì các tài liệu thu thập được mới coi là hồ sơ vụ án hình sự.

Có quan điểm cho rằng các tài liệu trong hồ sơ vụ án hình sự có thể phát sinh từ giai đoạn tiền tố tụng như: Biên bản phạm pháp quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, tử thi... bởi lẽ trên thực tế, các tài liệu trên mặc dù được thu thập được trước khi có quyết định khởi tố vụ án hình sự, nhưng nếu có hành vi làm sai lệch từ giai đoạn này thì cũng dẫn đến việc giải quyết vụ án theo chiều hướng thiếu khách quan. Mặt khác, những tài liệu thu thập được từ giai đoạn trên cũng được đưa vào hồ sơ vụ án làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Ví dụ trường hợp CQĐT bắt quả tang một vụ đánh bạc, số tiền thu giữ trên chiếu bạc trên hai triệu đồng đủ căn cứ khởi tố vụ án hình sự về tội “Đánh bạc”. Nhưng ĐTV đã làm lại biên bản phạm pháp quả tang khác ghi số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 1.000.000 đ, sau đó báo cáo lãnh đạo số tiền vật chứng theo như biên bản phạm pháp quả tang đã sửa chữa, mục đích để xử lý hành chính. Căn cứ biên bản này, các đối tượng đánh bạc đã bị xử phạt hành chính. Hành vi của ĐTV sửa chữa, thay đổi biên bản phạm pháp quả tang nêu trên là dấu hiệu của tội phạm “Làm sai lệch hồ sơ vụ án” được quy định tại Điều 300 của BLHS, cần phải được khởi tố điều tra về tội này. Tuy nhiên có ý kiến khác cho rằng, ĐTV đó không phạm tội “Làm sai lệch hồ sơ vụ án”, vì khi bắt quả tang việc đánh bạc thì vụ án đánh bạc chưa được khởi tố, chưa có quyết định khởi tố vụ án hình sự thì chưa thể gọi là “hồ sơ vụ án”. Hành vi của ĐTV đó là vi phạm pháp luật, nhưng được xử lý ở một tội danh khác.

Thứ ba, khó khăn trong việc xác định thế nào là “Thủ đoạn khác” trong cấu thành tội “Đánh tháo người bị giam, giữ” được quy định tại Điều 312 BLHS. Bên cạnh việc hiểu người phạm tội phải có hành vi khách quan dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực

nhằm khống chế người có nhiệm vụ canh gác, dẫn giải để giải thoát người bị giam, giữ thì việc hiểu người phạm tội dùng thủ đoạn khác để giải thoát người bị giam còn có nhiều cách hiểu, có quan điểm cho rằng thủ đoạn khác là người phạm tội phải có hành động gian dối, lén lút làm người canh giữ, dẫn giải mất cảnh giác tức phải có sự tác động trực tiếp tới người có nhiệm vụ canh gác, dẫn giải, còn những hành vi không tác động trực tiếp tới người có nhiệm vụ canh gác, dẫn giải, không trực tiếp tác động cho người bị giam, giữ trốn thì không phạm tội “Đánh tháo người bị giam, giữ”. Thực tế đã xảy ra vụ án xảy ra tại Công an huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, việc xác định tội danh có hai quan điểm khác nhau trong việc định tội danh:

Ngày 09/3/2012, bị cáo Bùi Văn Thảo bị trích xuất về Nhà tạm giữ Công an huyện Tư Nghĩa để Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Thảo bị tạm giam chung với bị cáo Phạm Hoài Bảo tại buồng số 12 của Nhà tạm giữ Công an huyện Tư Nghĩa. Trong thời gian này, Bùi Văn Thảo đã đặt vấn đề nhờ Võ Đức Thịnh là cán bộ Đội Cảnh sát bảo vệ - Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp giúp cho Thảo trốn khỏi nơi giam, hứa nếu Thịnh giúp trốn được ra ngoài làm ăn kiếm tiền sẽ trả ơn nên Võ Đức Thịnh đã nhận lời. Ngày 26/3/2012, là ca trực của Thịnh nên Thịnh đã làm thêm một chìa khóa buồng giam số 12. Khoảng 11h ngày 27/3/2012, Thịnh đã đưa cho Thảo chiếc chìa khóa mới mà Thịnh đã đánh thêm từ hôm trước. Khi có được chìa khóa, Thảo đã mở cửa buồng giam trốn ra ngoài.

Ngày 29/3/2012 Công an huyện Tư Nghĩa Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Bùi Văn Thảo và Phạm Hoài Bảo về tội “Trốn khỏi nơi giam”.

CQĐT (Cục 1) xác định Võ Đức Thịnh phạm tội “Đánh tháo người bị giam, giữ...” theo quy định tại Điều 312 BLHS. Quá trình nghiên cứu, giải quyết vụ án, việc xác định tội danh có sự phức tạp, có quan điểm trái ngược nhau. Tội “Đánh tháo người bị giam” là tội danh mới được sửa đổi bổ sung trong BLHS năm 1999, thực tiễn từ khi BLHS có hiệu lực thì loại tội phạm này xảy ra rất ít nên về mặt nhận thức về tội danh còn chưa thống nhất, dẫn đến việc xử lý vụ án gặp rất nhiều khó khăn các quan điểm khác nhau trong việc xác định tội danh đối với Võ Đức Thịnh, đó là:

Quan điểm thứ nhất, Võ Đức Thịnh là người đánh thêm chìa khóa đưa cho Bùi Văn Thảo để Thảo dùng chìa khóa mở cửa buồng giam trốn thoát, hành vi của Thịnh

là sự tác động từ bên ngoài vào làm phá vỡ sự quản lý nghiêm ngặt của nhà tạm giữ, mục đích cho Thảo và Bảo trốn thoát, tránh được sự phát hiện của các cán bộ trong ca trực. Do vậy, hành vi của Võ Đức Thịnh phạm tội “Đánh tháo người bị giam, giữ...” theo quy định tại Điều 312 BLHS.

Quan điểm thứ 2, Cho rằng việc Thảo trốn khỏi nhà tạm giữ là do Thảo chủ động đề nghị Thịnh giúp đỡ, Thịnh chỉ là người giúp sức bằng cách đánh thêm chìa khóa buồng giam đưa cho Thảo, còn việc Thảo trốn thế nào là do Thảo, Thịnh không có hành vi tác động trực tiếp từ bên ngoài vào để làm phá vỡ sự canh gác, bảo vệ nhà tạm giữ. Đánh tháo mục đích phải xuất phát từ người có hành vi đánh tháo. Do vậy Thịnh đồng phạm tội “Trốn khỏi nơi giam” với vai trò giúp sức.

Nếu như quan điểm thứ nhất là đúng thì việc Võ Đức Thịnh đánh thêm chìa khóa buồng giam đưa cho bị cáo Thảo có phải là hành vi “Dùng thủ đoạn khác” trong cấu thành của tội “Đánh tháo người bị giam trốn” hay không?.

Thứ tư, khó khăn trong việc xác định thế nào là hậu quả nghiêm trọng trong các vụ án xâm phạm HĐTP, có một số loại tội yếu tố hậu quả xảy ra khi xác định là “Gây hậu quả nghiêm trọng” mới là yếu tố cấu thành cơ bản để xác định có tội hay không có tội như các tội “ Bức cung”; tội “Thiếu trách nhiệm để người bị giam, giữ trốn”; tội “Ép buộc nhân viên tư pháp làm trái pháp luật”; tội “Vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản”... Nhưng có một số loại tội chỉ cần hành vi phạm tội “Gây thiệt hại” đã đủ yếu tố cấu thành cơ bản để xác định tội danh như tội “Ra quyết định trái pháp luật”... Việc hậu quả xảy ra căn cứ vào tính chất mức độ thiệt hại để xác định tình tiết định khung tội phạm như các tội “Làm sai lệch hồ sơ vụ án”; tội “Truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội”; tội “Không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội” tội “Ra bản án trái pháp luật”; tội “Ra quyết định trái pháp luật”; tội “Dùng nhục hình”; tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn giam giữ người trái pháp luật”; tội “Cản trở việc thi hành án”; tội “Đánh tháo người bị giam, giữ, đang bị dẫn giải...” Nhưng trong hoạt động thực tiễn hiểu như thế nào là hậu quả nghiêm trọng thì chưa có văn bản hướng dẫn nên còn nhiều ý kiến khác nhau gây khó khăn trong quá trình giải quyết án. Ngành Tòa án chỉ ban hành Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn về việc xác định thế nào là “hậu quả nghiêm trọng”, “rất nghiêm trọng”... trong việc xét xử đối với

các tội phạm xâm phạm sở hữu. Riêng thế nào là “gây hậu quả nghiêm trọng”, “rất nghiêm trọng” đối với các tội xâm phạm HĐTP thì chưa có văn bản hướng dẫn nào của cơ quan có thẩm quyền.

Thứ năm, những vướng mắc khác như về đánh giá hậu quả đã xảy ra hay chưa xảy ra, như trường hợp Chấp hành viên Cơ quan Thi hành án Dân sự quyết định cưỡng chế bán đấu giá nhà của người phải thi hành án, việc bán đấu giá thành công, cơ quan chức năng đã làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà từ người phải thi hành án sang cho người trúng đấu giá (Giấy chứng nhận quyền sở hữu đã mang tên người trúng đấu giá) nhưng việc giao nhà không thi hành được vì đối tượng phải thi hành án không giao nhà....

Những nguyên nhân của hạn chế

Nguyên nhân khách quan:

Thứ nhất, tình hình tội phạm có chiều hướng gia tăng với nhiều diễn biến phức tạp. Đặc biệt, cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường và hội nhập, giao lưu văn hóa thế giới, sự tha hóa, biến chất, xuống cấp về đạo đức của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đã kéo theo sự xuất hiện loại tội phạm do người có chức vụ quyền hạn thực hiện dưới nhiều hình thức tinh vi, xâm hại đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, trong đó có các cơ quan tư pháp, việc đấu tranh xử lý các tội phạm này thường gặp nhiều khó khăn.

Thứ hai, hệ thống pháp luật làm cơ sở pháp lý cho hoạt động THQCT nói chung và trong THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP nói riêng còn chưa đầy đủ và thiếu tính đồng bộ là nguyên nhân khách quan hạn chế chất lượng THQCT trong giải quyết án xâm phạm HĐTP. Trong đó bất cập của BLHS và Bộ luật TTHS về quyền hạn của VKS trong giai đoạn điều tra và mối quan hệ giữa CQĐT và VKS như chưa có cơ chế ràng buộc trách nhiệm của CQĐT trong việc thực hiện các yêu cầu, quyết định của Việt kiểm sát... Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới đã đánh giá: "Pháp luật trong lĩnh vực tư pháp chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ và còn nhiều sơ hở"; Nghị quyết 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị cũng chỉ rõ: "Hệ thống pháp luật nước ta vẫn chưa đồng bộ, thiếu thống nhất, tính khả thi thấp, chậm đi vào

cuộc sống. Cơ chế xây dựng, sửa đổi pháp luật còn nhiều bất hợp lý và chưa được coi trọng đổi mới, hoàn thiện...” [3]. Có những quy định pháp luật còn chưa chặt chẽ, thiếu tính thống nhất dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau trong khi các văn bản hướng dẫn, giải thích chậm được ban hành.

Thứ ba, một bộ phận ĐTV trình độ, năng lực còn hạn chế. Trước khi trở thành Điều tra viên cơ quan điều tra VKSND tối cao, phần lớn họ là các KSV, chưa được đào tạo chuyên sâu về nghiệp vụ điều tra các tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Ngành. Các Trường đào tạo của ngành Công an cũng không đi sâu nghiên cứu, giảng dạy về phương pháp, kỹ năng, chiến thuật điều tra nhóm tội xâm phạm HĐTP do cán bộ tư pháp thực hiện, vì không thuộc thẩm quyền điều tra của họ. Bên cạnh đó, kinh phí cho hoạt động điều tra còn eo hẹp, trang thiết bị, phương tiện cho hoạt động điều tra chưa đáp ứng được yêu cầu.

Thứ tư, hệ thống các cơ quan giám định tư pháp còn nhiều bất cập, thời hạn giám định chưa quy định nhưng thời hạn tố tụng điều tra, truy tố và các thời hạn tố tụng khác thì luật quy định rất chặt chẽ đã gây áp lực cho CQĐT và VKS.

Nguyên nhân chủ quan:

Thứ nhất, nhận thức chức năng, nhiệm vụ của VKS trong đội ngũ cán bộ, KSV chưa đầy đủ, thống nhất; trình độ nghiệp vụ sự tinh thông pháp luật còn hạn chế, còn thụ động, điều kiện làm việc, cơ sở vật chất và đời sống của cán bộ, KSV còn nhiều khó khăn.

Là những người có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng THQCT các vụ án hình sự nói chung, các tội xâm phạm HĐTP nói riêng, họ chính là người trực tiếp thực hiện hầu hết các hoạt động THQCT. Đối với các quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền của Lãnh đạo Viện thì KSV cũng chính là người tham mưu, đề xuất để lãnh đạo Viện xem xét, quyết định. Nhìn chung, về trình độ lý luận chính trị, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, KSV đã được nâng cao, tuy nhiên một bộ phận cán bộ, KSV còn hạn chế về năng lực thực tế, kinh nghiệm trong quá trình giải quyết án, chưa chủ động tích cực trong hoạt động thực hiện chức năng THQCT của Ngành. Chưa nghiên cứu tổng hợp khách quan tất cả các tình tiết buộc tội, tình tiết gỡ tội mà chỉ thỏa mãn với bản kết luận điều tra. Hồ sơ kiểm sát điều tra phản ánh chưa đầy đủ nội dung

chủ yếu của vụ án, chưa thể hiện được vai trò của KSV trong quá trình giải quyết vụ án, khi phát hiện có những sai phạm, vi phạm của CQĐT đã không báo cáo đề nghị lãnh đạo kiến nghị khắc phục kịp thời, tuy chỉ là bộ phận rất nhỏ nhưng đã ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả công tác kiểm sát.

Thứ hai, công tác bố trí cán bộ, Kiểm sát viên VKSND tối cao có phần dàn đều cả về số lượng và chất lượng cán bộ, chưa chú trọng đến số lượng án phải thụ lý giải quyết của VKS trên thực tế. Vụ 6 mới được thành lập với chức năng THQCT và kiểm sát điều tra án xâm phạm HĐTP. Tuy nhiên, về bộ máy tổ chức và biên chế chưa tương xứng với CQĐT. Hiện CQĐT có 8 phòng nghiệp vụ với biên chế 185 người thì Vụ 6 chỉ có 4 phòng nghiệp vụ, với biên chế hiện có 20 người (biên chế được giao là 30 người); số lượng Kiểm sát viên VKSTC có 8 người, trong khi đó số lượng ĐTV của Cục 1 là 34 người và càng không tương xứng với khối lượng công việc thực tế xảy ra. CQĐT có 8 phòng nghiệp vụ đặt ở Bắc, Trung, Tây Nguyên, Đông Nam bộ, Tây Nam bộ... Trong khi đó Vụ 6 chỉ có 4 phòng nghiệp vụ, địa bàn quản lý toàn quốc. Do đó, công tác THQCT gặp rất nhiều khó khăn, vừa thiếu, vừa yếu...

Bên cạnh đó, điều kiện làm việc, cơ sở vật chất và đời sống của cán bộ, Kiểm sát viên VKSND tối cao còn nhiều khó khăn, làm cho một số cán bộ, KSV chưa yên tâm công tác hoặc chưa tập trung đúng mức cho công tác THQCT. Chính sách đối với cán bộ như tiền lương, phụ cấp, nhà ở, điều kiện làm việc tuy đã được cải thiện nhưng còn bất hợp lý, chưa tạo động lực phát huy năng lực của cán bộ, KSV, chưa khuyến khích cán bộ, KSV công tác.

Thứ ba, sự phối hợp giữa đơn vị được giao THQCT án xâm phạm HĐTP với CQĐT chưa thật sự hiệu quả.

Mối quan hệ giữa hai cơ quan này có ý nghĩa hết sức quan trọng, xuyên suốt từ giải quyết tố giác, tin báo tội phạm đến khi truy tố. Song thực trạng mối quan hệ này còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Cụ thể là:

- Vẫn còn tình trạng ở một số vụ, việc cụ thể giữa hai cơ quan này chưa tìm được tiếng nói chung trong giải quyết công việc hoặc tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, thiếu kiên quyết trong việc thực hiện quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình THQCT và kiểm sát điều tra, VKSND tối cao chủ yếu trực tiếp trao đổi yêu cầu khắc phục vi phạm đối với từng hành vi, quyết định tố tụng cụ thể trong mỗi vụ án, việc tổng hợp vi phạm của CQĐT để kiến nghị chung về vi phạm trong hoạt động điều tra còn hạn chế.

Thứ tư, việc kiểm điểm rút kinh nghiệm và đề ra các biện pháp chế tài để làm rõ trách nhiệm cá nhân sai sót, tiêu cực trong kiểm sát điều tra còn mang tính hình thức, chưa thể hiện được tính nghiêm túc, triệt để nên các yếu kém trong hoạt động kiểm sát điều tra chậm được khắc phục, nhất là việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa VKS với CQĐT.

Thứ năm, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa ngang tầm với yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKS trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Việc đào tạo, bồi dưỡng còn nặng về lý luận, chưa chú ý rèn luyện kỹ năng thực hành quyền công tố trong TTHS, chưa chú ý trang bị kiến thức chuyên ngành khác...

Kết luận chương 2

Chương 2, tác giả sử dụng các phương pháp tổng hợp, phân tích, thống kê, so sánh để làm rõ thực trạng chất lượng THQCT án xâm phạm HĐTP trong giai đoạn điều tra. Trên cơ sở số liệu thống kê của VKSND tối cao trong 5 năm (2011 - 2015), tác giả phân tích làm rõ những ưu điểm và kết quả đạt được trong hoạt động này của VKSND và nguyên nhân kết quả đạt được.

Nhìn chung, chất lượng THQCT án xâm phạm HĐTP trong giai đoạn điều tra của VKSND đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần quan trọng vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ có hiệu quả hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp và pháp chế xã hội chủ nghĩa, qua đó góp phần nâng tầm vị thế của ngành Kiểm sát trong khối các cơ quan tư pháp.

Tuy nhiên vẫn còn những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân thì có nhiều, song chủ yếu là do pháp luật thực định đặc biệt là pháp luật hình sự và TTHS còn nhiều bất cập; trình độ, năng lực, ý thức trách nhiệm của một số cán bộ, KSV còn hạn chế; điều kiện

làm việc, cơ sở vật chất và chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, KSV chưa phù hợp, chưa tương xứng với tính chất khó khăn, phức tạp của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm xâm phạm HĐTP nói riêng.

Yêu cầu phải nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao là đòi hỏi cấp thiết trong công cuộc cải cách tư pháp hiện nay. Trong Chương 3 sau đây, tác giả sẽ đề cập đến các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng THQCT án xâm phạm HĐTP trong giai đoạn điều tra của VKSND.

Chương 3

QUAN ĐIỂM, GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ ÁN XÂM PHẠM HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP TRONG GIAI ĐOẠN ĐIỀU TRA

3.3. Quan điểm về nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra.

Dựa trên thống kê số liệu án xâm phạm HĐTP VKSND tối cao thụ lý giải quyết, có thể thấy trong thời gian tới, tội phạm xâm phạm HĐTP sẽ tiếp tục diễn biến phức tạp với tính chất, mức độ ngày càng nghiêm trọng; những đối tượng phạm tội có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan tư pháp có xu hướng gia tăng, đặc biệt những đối tượng này có thời gian công tác lâu năm, nắm rõ các quy định của pháp luật, có nhiều thủ đoạn che dấu hành vi phạm tội, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp, làm giảm niềm tin của nhân dân vào công cuộc cải cách tư pháp của Đảng và Nhà nước ta hiện nay về xây dựng một nền tư pháp trong sạch, vững mạnh.

Để đấu tranh phòng, chống có hiệu quả tội phạm xâm phạm HĐTP và tăng cường trách nhiệm của VKSND tối cao trong hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP nhằm bảo đảm chất lượng hoạt động của công tác này; quan điểm chỉ đạo của VKSND tối cao giai đoạn hiện nay và trong những năm tiếp theo như sau:

Một là, tiếp tục quán triệt đầy đủ, đúng đắn, toàn diện các quan điểm, chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp đã được đề ra trong các văn kiện của Đảng qua các kỳ Đại hội X, XI, Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/1/2002 của Bộ Chính trị về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”; Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”; Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 và Nghị quyết số 63/2013/HQ13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội về “Tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm”. Trên cơ sở quán triệt và thực hiện nghiêm túc đường lối, chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, tại Hội nghị triển khai công tác năm 2011 của ngành Kiểm sát nhân dân về “Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra theo yêu cầu

cải cách tư pháp”, đồng chí Viện trưởng VKSND tối cao đã kết luận và yêu cầu VKS các cấp “Cần có cách nhìn toàn diện, đầy đủ về quan hệ giữa THQCT với kiểm sát điều tra; tăng cường hơn nữa vai trò chủ động của chúng ta trong quá trình điều tra” và “Tăng cường trách nhiệm công tố, gắn công tố với điều tra nghĩa là chúng ta phải song hành cùng với CQĐT trong điều tra, làm rõ tội phạm; phải phối hợp chặt chẽ với CQĐT để tìm giải pháp phát hiện, xử lý tội phạm khẩn trương nhất, đầy đủ nhất. Khi phát hiện một thiếu sót, hạn chế trong quá trình điều tra, cần coi đó là thiếu sót, hạn chế của chính chúng ta để cùng CQĐT tìm biện pháp khắc phục. Khi kiểm sát điều tra, chúng ta giám sát việc tuân theo pháp luật của CQĐT, bảo đảm việc điều tra có căn cứ và đúng pháp luật. Chúng ta kiên quyết không phê chuẩn đối với những quyết định tố tụng vi phạm pháp luật hoặc không có căn cứ. Mục tiêu của hoạt động kiểm sát điều tra là nhằm hỗ trợ việc THQCT được tốt, bảo đảm việc truy tố có căn cứ và đúng pháp luật”. Ngày 06/12/2013 Viện trưởng VKS nhân dân tối cao ban hành Chỉ thị số 06/CT-VKSTC về “Tăng cường công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm” đã yêu cầu VKS các cấp tiếp tục quán triệt đầy đủ, sâu sắc và triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng về “Tăng cường công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra”, về “Tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm”, coi đây là “nhiệm vụ trọng tâm, đột phá trong năm 2014 và những năm tiếp theo của ngành Kiểm sát nhân dân”.

Hai là, phải trên cơ sở tổng kết thực tiễn về tổ chức và hoạt động THQCT của VKS, phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục những tồn tại yếu kém trong hoạt động công tố nhằm tăng cường năng lực chống bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội.

Ba là, đổi mới tổ chức và hoạt động của VKSND nhằm đáp ứng được tính chất, diễn biến của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta hiện nay và xu hướng, diễn biến tội phạm trong thời gian tới; với phương châm phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh các hành vi có dấu hiệu phạm tội, làm rõ các nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh tội phạm để kiến nghị các giải pháp phòng ngừa, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đồng thời đảm bảo lộ trình hợp lý để vừa thực hiện tốt chức năng

nhiệm vụ, vừa bảo đảm cơ sở thực tiễn trong sửa đổi các văn bản pháp luật TTHS trong thời gian tới.

Bốn là, đổi mới trong tất cả các hoạt động tác nghiệp THQCT

Thứ nhất, đổi mới phương pháp thực hiện các hoạt động công tố theo hướng chủ trương, trực tiếp, kiểm sát chặt chẽ các hoạt động điều tra; triệt để khắc phục tình trạng thụ động chờ hồ sơ do CQĐT chuyển; tăng cường tính chế ước của hoạt động công tố đối với các hoạt động điều tra và các quyết định tố tụng của CQĐT, bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự có căn cứ và hợp pháp.

Thứ hai, đổi mới biện pháp phối hợp với CQĐT cùng cấp, ngay từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; trong suốt quá trình điều tra đến khi kết thúc điều tra.

Thứ ba, bên cạnh đổi mới phương thức hoạt động, VKS cần phải tuyệt đối chấp hành đầy đủ các nguyên tắc trong TTHS về thực hành quyền công tố. Điều 23, Bộ luật TTHS quy định “...VKS thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS nhằm bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được xử lý kịp thời; việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội”. Nguyên tắc này đã thể hiện rất rõ về quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về vai trò, nhiệm vụ của VKSND. Do vậy tăng cường THQCT trong hoạt động điều tra của VKS nhằm đảm bảo mọi hành vi phạm tội đều bị phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố là một quan điểm mà Viện kiểm phải xác định gắn liền, xuyên suốt trong quá trình THQCT trong TTHS, bởi đây là hoạt động có ý nghĩa, vai trò rất quan trọng trong việc hạn chế việc bỏ lọt tội phạm, người phạm tội.

Thứ tư, bảo đảm hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra phải được tiến hành khẩn trương, tích cực, nhưng cần thận trọng, có bước đi vững chắc, phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, tránh gây xáo trộn, gián đoạn cho HĐTP nói chung, hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra nói riêng, bảo đảm tính liên tục, hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, vi phạm pháp luật.

Năm là, bảo đảm chế độ, chính sách và cơ sở vật chất cho HĐTP phù hợp với đặc điểm của từng cơ quan tư pháp và khả năng của ngân sách Nhà nước.

Trên đây là một số quan điểm cơ bản về bảo đảm chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra của VKSND nói chung, đồng thời cũng là yêu cầu và phương hướng đổi mới đối

với công tác THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam nói riêng. Những quan điểm này định hướng cho việc đề ra và lựa chọn các giải pháp thích hợp bảo đảm chất lượng THQCT của VKSND phù hợp với điều kiện, đặc điểm tình hình hiện nay.

3.4. Giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố án xâm phạm hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra

3.2.1. Nhóm các giải pháp về sửa đổi, bổ sung pháp luật, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật

3.2.1.1. Đề xuất sửa đổi, bổ sung pháp luật hình sự và TTHS, có liên quan đến chất lượng thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP

Để chất lượng THQCT của VKSND mang lại hiệu quả, góp phần đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa theo yêu cầu của cải cách tư pháp; trước hết phải có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và đồng bộ, rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu và dễ thực hiện, đặc biệt là pháp luật hình sự và TTHS

- Đề xuất sửa đổi quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 tại Chương XXII - Các tội xâm phạm HĐTP

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung các vấn đề chung

+ Giữ bố cục Chương XXII về các Điều, tuy nhiên nên đảo vị trí giữa Điều 302 *Tội tha trái pháp luật người đang bị giam, giữ* và Điều 303 *Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn giam, giữ người trái pháp luật* và giữa Điều 304 *Tội không chấp hành án* và Điều 305 *Tội không thi hành án* để đảm bảo sự phù hợp về trình tự thực hiện hành vi hoặc thời gian.

+ Sửa đổi, bổ sung 17 tội danh trong tổng số 22 tội danh để làm rõ các dấu hiệu của tội phạm.

+ Tách các tình tiết định khung tăng nặng *gây hậu quả rất nghiêm trọng* với *gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng* để quy định ở các khung hình phạt khác nhau; và bổ sung các tình tiết tăng nặng định khung tại các Điều 293, 294, 295, 296, 298, 300, 303, 307, 310... để thể hiện rõ nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự.

Thứ hai, sửa đổi, bổ sung các điều luật cụ thể

+ Sửa đổi Điều 292. *Khái niệm tội xâm phạm HĐTP*

Sửa đổi điều luật theo hướng bổ sung các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, các cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự vào diện các cơ quan thực hiện các HĐTP và quy định rõ phạm vi các HĐTP (từ khi tiếp nhận giải quyết tin báo, tố giác tội phạm đến khi thi hành án hình sự).

+ Sửa đổi Điều 293. *Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội*

Nêu rõ các hoạt động thuộc nội dung truy cứu trách nhiệm hình sự bao gồm hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hình sự đối với người không có tội.

+ Sửa đổi Điều 294. *Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội*

Nêu rõ các hoạt động không truy cứu trách nhiệm hình sự bao gồm hoạt động không khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hình sự đối với người có tội.

+ Sửa đổi Điều 295. *Tội ra bản án trái pháp luật*

Bổ sung quy định để loại trừ các trường hợp phạm tội quy định tại các Điều 293, 294 BLHS.

+ Sửa đổi Điều 296. *Tội ra quyết định trái pháp luật*

Bổ sung từ *cơ quan* để chỉ diện các chủ thể bị thiệt hại; thay từ *công dân* bằng từ *cá nhân* để bao quát các trường hợp ra quyết định trái pháp luật gây thiệt hại cho người nước ngoài, người không quốc tịch.

Bổ sung quy định để loại trừ các trường hợp phạm tội quy định tại các Điều 293, 294, 295, 296 nêu trên.

+ Sửa đổi Điều 297. *Tội ép buộc nhân viên tư pháp làm trái pháp luật*

Thay cụm từ *nhân viên tư pháp* bằng cụm từ *người thực hiện HĐTP* để bao quát hành vi ép buộc những người không phải là nhân viên tư pháp như Hội thẩm nhân dân, người được giao nhiệm vụ xác minh tố giác, tin báo tội phạm, điều tra vụ án hình sự thuộc các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (Hải quan, Kiểm lâm...) hoặc người thuộc các cơ quan được giao một số nhiệm vụ thi hành án hình sự.

Bổ sung hành vi ép buộc người thực hiện HĐTP làm trái pháp luật trong hoạt động giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố vì đây là hoạt động tố tụng tư pháp được quy định tại Bộ luật TTHS năm 2003.

+ Sửa đổi Điều 298. *Tội dùng nhục hình*

Sửa đổi điều luật theo hướng làm rõ hành vi khách quan của tội này *dùng vũ lực hay hành vi khác gây đau đớn về thể chất, tinh thần.*

+ Sửa đổi Điều 299. *Tội bức cung*

Bổ sung hành vi bức cung của người tiến hành hoạt động giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố.

+ Sửa đổi Điều 300. *Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án*

Bổ cụm từ *vụ án* trong tên điều luật để bảo đảm bao hàm cả trường hợp làm sai lệch các tài liệu, chứng cứ thu được trong quá trình xác minh tố giác, tin báo tội phạm, các việc dân sự, thi hành án; đồng thời bổ sung cụm từ *vụ việc* vào sau từ *vụ án* trong khoản 1 Điều luật để bao quát các tài liệu, vật chứng trong các vụ việc.

Thay cụm từ *nhân viên tư pháp* bằng cụm từ *người thực hiện HĐTP* với lý do như đề xuất thay cụm từ này tại Điều 297- Tội ép buộc nhân viên tư pháp làm trái pháp luật.

+ Sửa đổi Điều 301. *Tội thiếu trách nhiệm để người bị giam, giữ trốn*

Ngoài đối tượng là người bị giam, giữ; bổ sung thêm đối tượng là người bị bắt, người đang chấp hành án phạt tù.

+ Sửa đổi Điều 310. *Tội vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản*

Sửa điểm c khoản 1 chỉ rõ: "*các hành vi khác gây hậu quả nghiêm trọng*".

+ Sửa đổi Điều 312. *Tội đánh tháo người bị giam, giữ, người đang bị dẫn giải, người đang bị xét xử*

Bổ sung hành vi đánh tháo người bị bắt vào Điều 312.

+ Sửa đổi Điều 314. *Tội che giấu tội phạm*

Sửa đổi theo hướng người nào che giấu tội phạm rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- *Đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật TTHS*

Kế hoạch số 05-KH/CCTP ngày 22/6/2006 của Ban chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương về thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu rõ: "Trên cơ sở các định hướng của Chiến lược cải cách tư pháp và kết quả tổng kết, đánh giá việc thực hiện pháp luật TTHS, nghiên cứu, đề xuất và tiến hành sửa đổi, bổ sung Bộ luật TTHS năm 2003". Như vậy, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật TTHS là đòi hỏi khách quan và cần thiết. Theo quan điểm của Đảng trong Chiến lược cải cách tư

pháp từ nay đến năm 2020, VKS tiếp tục thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát HĐTP, nhiệm vụ của VKS trong TTHS cần được hoàn thiện theo hướng "tăng cường trách nhiệm của VKS trong hoạt động điều tra, gắn công tố với điều tra", tăng cường vai trò, trách nhiệm của KSV tại phiên tòa. Từ định hướng cơ bản nêu trên, để hoàn thiện các quy định của Bộ luật TTHS về THQCT trong TTHS cần sửa đổi, bổ sung các vấn đề cơ bản sau đây:

+ Về việc tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố. Nên quy định VKS là cơ quan đầu mối tiếp nhận tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố, vì VKS là cơ quan giữ quyền công tố nên cần phải nắm được đầu vào của tội phạm để bảo đảm mọi hành vi phạm tội đều phải được phát hiện và xử lý kịp thời. Cần quy định các cơ quan, tổ chức, Tòa án, CQĐT khi nhận được tố giác, tin báo tội phạm phải thông báo ngay cho VKS bằng văn bản. VKS có thể trực tiếp tiến hành xác minh tố giác, tin báo tội phạm hoặc đề ra yêu cầu giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và chuyển cho CQĐT tiến hành xác minh. Trong quá trình CQĐT giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, VKS phải có trách nhiệm kiểm sát việc tuân theo pháp luật việc giải quyết của CQĐT đối với tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Hiện nay có một vướng mắc là đối tượng kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm chỉ là CQĐT; tuy nhiên, trên thực tế Công an phường khi tiếp nhận tố giác, tin báo tội phạm cũng tiến hành xác minh nếu thấy có dấu hiệu tội phạm mới báo cáo CQĐT xử lý theo thẩm quyền, còn không họ sẽ xử lý hành chính. Ngoài ra, còn có một số cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra cũng tiến hành hoạt động xác minh tố giác, tin báo về tội phạm nhưng không thuộc đối tượng kiểm sát của VKS. Như vậy, rất khó khăn cho VKS trong việc nắm được tố giác, tin báo tội phạm và kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm. Cần có cơ chế phối hợp để VKS và CQĐT cùng tiến hành kiểm tra, giám sát việc tiếp nhận tố giác, tin báo tội phạm của Công an phường và có quy định trong Bộ luật TTHS để VKS có thẩm quyền kiểm sát việc tiếp nhận và giải quyết tố giác, tin báo tội phạm của các cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động điều tra.

+ Về thẩm quyền khởi tố bị can của VKS, cần bổ sung thẩm quyền khởi tố bị can của VKS theo hướng, ngoài các trường hợp VKS quyết định khởi tố bị can như quy định hiện hành, cần bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 126 Bộ luật TTHS là: "Trong

trường hợp phát hiện có người đã thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án chưa bị khởi tố thì VKS yêu cầu CQĐT ra quyết định khởi tố bị can, nếu CQĐT không thực hiện yêu cầu thì VKS ra quyết định khởi tố bị can, yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra”.

+ Đề nghị bổ sung quy định VKS có quyền trực tiếp điều tra vụ án hình sự với tư cách là cơ quan công tố (khác với thẩm quyền điều tra của CQĐT thuộc VKSND tối cao), điều tra để thực hiện tốt hơn công tác THQCT. Tuy nhiên, cần xác định thẩm quyền điều tra của VKS là để phục vụ chức năng THQCT, do vậy tránh việc VKS lạm dụng việc được điều tra, điều tra tràn lan nên cần hạn chế thẩm quyền điều tra của VKS (nếu thẩm quyền này được quy định trong tương lai). VKS chỉ được điều tra trong những trường hợp nhất định như: Đối với những vụ án do VKS trực tiếp xác minh tố giác, tin báo về tội phạm; những vụ án mà quá trình điều tra, CQĐT có vi phạm nghiêm trọng xét thấy cần rút để VKS tự điều tra; những vụ án CQĐT đã kết thúc điều tra nhưng còn có những vấn đề chưa rõ, nhưng xét thấy không cần thiết phải trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung.

+ Cần nghiên cứu xác định phạm vi, điều kiện để VKS có quyền lựa chọn việc không truy tố (miễn tố) đối với một số loại tội phạm hoặc trường hợp phạm tội cụ thể khi xét thấy việc truy tố không phục vụ lợi ích của cộng đồng cũng như cá nhân, không được xã hội ủng hộ, thay vào đó có một cơ chế xử lý linh hoạt, hiệu quả hơn (như chuyển xử lý hành chính, bồi thường thỏa đáng...). Tuy nhiên, cần quy định trong Bộ luật TTHS cơ chế giám sát chặt chẽ để tránh sự lạm dụng, tiêu cực của người tiến hành tố tụng khi thực hiện cơ chế này.

+ Đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về nhiệm vụ, thẩm quyền của Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên VKS theo hướng bảo đảm tính hợp lý, có tính khả thi và tạo thuận lợi cho việc nâng cao quyền hạn và trách nhiệm của KSV theo chủ trương cải cách tư pháp. Phân định rõ thẩm quyền hành chính với trách nhiệm, quyền hạn trong hoạt động TTHS theo hướng tăng quyền cho ĐTV, KSV, Thẩm phán để họ chủ động trong thực thi nhiệm vụ, nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình (cần nghiên cứu sửa đổi các Điều 35, 37, 39 Bộ luật TTHS). KSV phải thực sự là người trực tiếp THQCT, kiểm sát hoạt động điều tra, lập hồ sơ vụ án và ra các quyết định tố tụng thuộc thẩm quyền của VKS như: quyền phê chuẩn các lệnh, quyết định của CQĐT, quyền áp dụng, thay đổi,

hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, tạm đình chỉ điều tra, quyết định áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh...Theo đó, cần sửa đổi các Điều 34, 36 Bộ luật TTHS, giảm đáng kể quyền hạn của người đứng đầu các cơ quan tiến hành tố tụng, chủ yếu thực hiện nhiệm vụ điều hành tổ chức, chỉ đạo, phân công, thay đổi người tiến hành tố tụng, giải quyết khiếu nại tố cáo trong hoạt động TTHS.

3.2.1.2. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức VKSND

Thứ nhất, về tổ chức bộ máy

Thực hiện chủ trương tổ chức hệ thống VKSND gồm 4 cấp theo Kết luận 79-KL/TW và trên cơ sở kế thừa các quy định hiện hành về tổ chức bộ máy, cần sửa đổi theo hướng quy định rõ và đầy đủ hơn các vấn đề về tổ chức hệ thống VKS; cơ cấu tổ chức và cơ cấu cán bộ...VKS chuyển thành mô hình Viện công tố, các đơn vị Vụ giải quyết án hình sự hiện nay chuyển thành đơn vị Viện cho phù hợp.

Thứ hai, xác định rõ các nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản của VKSND trong phát hiện, xử lý vi phạm trong HĐTP; trách nhiệm quyết định việc áp dụng các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân. Quy định VKSND có quyền tiến hành một số hoạt động điều tra để kiểm tra, bổ sung chứng cứ, tài liệu khi xem xét phê chuẩn hoặc ban hành các quyết định theo quy định của Bộ luật TTHS hoặc khi phát hiện có dấu hiệu oan, sai, bỏ lọt tội phạm. Quy định rõ đối tượng, nội dung, phạm vi, mục đích của từng chức năng THQCT, kiểm sát HĐTP, đặt nền tảng cho việc hình thành cơ sở lý luận về chức năng của VKSND, bảo đảm thống nhất nhận thức và hoạt động có hiệu quả trên thực tế. Sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm tăng cường vai trò của công tố ngay từ khi tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố, tăng cường trách nhiệm của VKSND trong quá trình điều tra, chủ động thực hiện các biện pháp nhằm làm rõ sự thật của vụ án, xác định tội phạm, người phạm tội, bảo đảm tính đúng đắn của hoạt động điều tra; xác định CQĐT của VKSND có vai trò, trách nhiệm quan trọng trong đấu tranh phòng chống các tội phạm xâm phạm HĐTP, quy định rõ trách nhiệm tranh tụng của KSV tại phiên tòa xét xử vụ án hình sự.

Thứ ba, về cán bộ, Kiểm sát viên

Xác định nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng, Phó Viện trưởng VKS phù hợp chủ trương phân định thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư

pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho KSV để họ chủ động trong thực thi công vụ và chịu trách nhiệm về các hành vi, quyết định tố tụng của mình.

Quy định KSV là người được bổ nhiệm để làm nhiệm vụ THQCT, kiểm sát các HĐTP và thực hiện các nhiệm vụ khác do luật định.

3.2.1.3. Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật

Để đảm bảo chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP theo yêu cầu của cải cách tư pháp, hệ thống pháp luật nói chung phải được xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ, rõ ràng, minh bạch, dễ hiểu và dễ vận dụng; xu hướng là giảm văn bản hướng dẫn và tăng tính cụ thể của luật. Tuy nhiên, với tốc độ làm luật và trình độ làm luật ở nước ta hiện nay, chất lượng nội dung của các văn bản đã được ban hành còn nhiều hạn chế. Thực tế cho thấy, tình trạng luật khung, luật óng vẫn còn tồn tại với số lượng không ít làm cho các đạo luật chậm đi vào cuộc sống và luôn phải chờ hướng dẫn, quy định chi tiết. Bên cạnh đó, vấn đề kỹ thuật lập pháp cũng chưa được quan tâm một cách đúng mức nên nội dung của các điều luật không phải lúc nào cũng minh bạch, rõ ràng, dễ hiểu và đơn nghĩa. Vì vậy để pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình cần kịp thời ban hành văn bản giải thích pháp luật sau khi các bộ luật, luật, pháp lệnh được ban hành để tạo sự thống nhất trong hoạt động và nhận thức. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan tư pháp ở trung ương trong việc ban hành các thông tư liên tịch để hướng dẫn đối với các cơ quan tư pháp cấp dưới trong việc áp dụng pháp luật; hạn chế văn bản hướng dẫn của từng ngành gây khó khăn cho việc áp dụng pháp luật.

3.2.2. Nhóm các giải pháp đối với Viện kiểm sát tối cao

3.2.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao.

Điều 4 Hiến pháp 2013 quy định:

Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội [27].

Thực hiện chủ trương cải cách tư pháp của Đảng, trong thời gian qua, chất lượng công tác tư pháp đã đạt được nhiều thành quả đáng khích lệ trong đấu tranh phòng,

chống vi phạm pháp luật và tội phạm. Nhận thức của các cấp ủy đảng và đảng viên cũng như của toàn xã hội đối với hoạt động THQCT và kiểm sát các HĐTP, về vị trí, chức năng, nhiệm vụ của VKSND tối cao ngày càng đầy đủ và hoàn thiện hơn; nhiều chính sách, chế độ đối với VKSND tối cao được đổi mới, tạo điều kiện cho ngành thực hiện tốt chức năng công tố và kiểm sát các HĐTP.

Để nâng cao hơn nữa chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP trong thời gian tới, Đảng ủy VKSND tối cao và Chi bộ vụ THQCT và kiểm sát điều tra án hình sự về trật tự xã hội (Vụ 6) cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo đối với hoạt động của đơn vị theo hướng sau:

- Đảng lãnh đạo chặt chẽ về chính trị, tổ chức và cán bộ, bảo đảm hoạt động của Vụ 6 trong hoạt động THQCT được thực hiện đúng quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước; khắc phục tình trạng cấp ủy buông lỏng lãnh đạo hoặc cấp ủy can thiệp vào hoạt động điều tra; cán bộ, đơn vị thoát ly sự lãnh đạo của tổ chức Đảng hoặc thiếu tính chủ động, ý lại cấp ủy. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, giáo dục, quản lý, kiểm tra hoạt động của tổ chức Đảng, của đảng viên và chăm lo công tác quy hoạch, đào tạo, tuyển chọn, bố trí, sử dụng đúng cán bộ.

- Xây dựng, hoàn thiện cơ chế phối hợp làm việc giữa các tổ chức Đảng với cơ quan tư pháp và các ban, ngành có liên quan theo hướng, cấp ủy định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến định hướng về công tác tư pháp. Xác định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân cấp ủy trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tư pháp.

3.2.2.2. Đổi mới về nội dung và phương pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam

Một là, đổi mới phương pháp thực hiện các hoạt động công tố theo hướng chủ động, trực tiếp, bám sát quá trình điều tra; triệt để khắc phục tình trạng thụ động chờ hồ sơ do CQĐT chuyển. Tăng cường tính chế ước của hoạt động công tố đối với các hoạt động điều tra và các quyết định tố tụng của CQĐT, bảo đảm việc truy cứu trách nhiệm hình sự có căn cứ và hợp pháp, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, cụ thể như sau:

Thực hành quyền công tố ngay trong giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố của CQĐT.

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố vụ án, bị can, trong hoạt động phê chuẩn các Lệnh, Quyết định của CQĐT. Cần cẩn trọng, trách nhiệm, không nể nang; kiên quyết quán triệt nguyên tắc *“không chấp nhận việc khởi tố vụ án hoặc không khởi tố vụ án không có căn cứ và trái pháp luật; yêu cầu khởi tố bị can khi đã đủ căn cứ phạm tội nhưng kiên quyết từ chối phê chuẩn các quyết định khởi tố bị can khi chưa đủ căn cứ”*. Chủ động tiến hành một số hoạt động điều tra (ghi lời khai người bị bắt khẩn cấp, người làm chứng, người bị hại...) trong trường hợp cần thiết để bảo đảm căn cứ phê chuẩn.

Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra đảm bảo các yêu cầu chung đối với các hoạt động THQCT về thời hạn luật định, trình tự thủ tục, tính có căn cứ, thống nhất nhận thức phối hợp với CQĐT.

Thực hành quyền công tố sau khi kết thúc điều tra, để đảm bảo chất lượng truy tố, cần tăng cường và chủ động trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra khi cần thiết và trong một số trường hợp theo luật định trực tiếp khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Hai là, đổi mới biện pháp phối hợp với CQĐT

Quan hệ phối hợp với CQĐT không chỉ là giải pháp để nâng cao chất lượng THQCT và kiểm sát các HĐTP mà còn được coi là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của ngành Kiểm sát, khắc phục tình trạng khép kín *“việc ai người ấy làm”*, hoặc tình trạng *“quyền anh, quyền tôi”*, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong hoạt động điều tra, khám phá tội phạm.

Cần nhận thức rõ các khía cạnh liên quan trong mối quan hệ với CQĐT, cả những mặt thuận lợi và khó khăn, quan tâm cả tính chất chỉ đạo - chấp hành và tính chất phối hợp công tác để chủ động góp phần xây dựng mối quan hệ này phát triển theo hướng tích cực, hiệu quả, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu cải cách tư pháp đặt ra. Do đó, biện pháp hiệu quả nhất vẫn là tăng cường phối hợp giữa VKS và CQĐT trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề mới, KSV phải kịp thời phối hợp, trao đổi với ĐTV để xử lý, đồng thời báo cáo Lãnh đạo hai đơn vị cho ý kiến giải quyết.

Tuy nhiên không vì bao biện *phối hợp* mà nể nang né tránh; cần kiên quyết áp dụng đầy đủ các trách nhiệm của VKS được quy định trong Bộ luật TTHS. Trong quá trình phối hợp, cần kiên định nguyên tắc *mềm dẻo nhưng kiên quyết*, theo đó, lãnh đạo

VKS và Kiểm sát viên cần thống nhất áp dụng biện pháp trong một số trường hợp như: yêu cầu điều tra sát, đúng, cần thiết nhưng ĐTV không thực hiện; trường hợp thay đổi ĐTV.

3.2.2.3. *Kiện toàn tổ chức, đổi mới công tác cán bộ và chỉ đạo điều hành*

Thứ nhất, kiện toàn tổ chức, bộ máy đơn vị THQCT trong TTHS án xâm phạm HĐTP.

Ngày 28/7/2010, Bộ chính trị đã có Kết luận số 79-KL/TW xác định rõ các quan điểm, phương hướng đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, VKS và CQĐT. Đối với VKSND, Kết luận 79-KL/TW khẳng định: VKSND có chức năng THQCT và kiểm sát HĐTP như hiện nay. Tổ chức hệ thống VKSND thành bốn cấp, phù hợp với hệ thống tổ chức của Tòa án nhân dân. Tổ chức VKS theo bốn cấp, trong đó có hai cấp không theo cấp hành chính là VKSND tối cao khu vực và VKSND tối cao cấp cao. Đây là mô hình có nhiều điểm ưu việt, vừa đảm bảo tinh gọn về đầu mối, vừa phân bố lượng công việc phù hợp giữa các đơn vị hành chính.

Hiện nay, để đáp ứng được việc THQCT trước yêu cầu mới, tác giả mạnh dạn đề nghị tiếp tục sửa đổi Luật Tổ chức VKSND theo hướng đổi tên các Vụ THQCT và kiểm sát điều tra án hình sự trực thuộc VKSND tối cao thành Viện công tố cho phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp. Trong thời gian tới, cần xem xét kiện toàn theo hướng tách hoạt thành lập mới Viện thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án hình sự các tội xâm phạm HĐTP trực thuộc VKSND tối cao.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục chỉ đạo công tác tổ chức sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của Vụ THQCT và kiểm sát điều tra án hình sự về trật tự xã hội (Vụ 6) VKSND tối cao theo đúng quy định của Luật Tổ chức VKSND năm 2002 và yêu cầu thực hiện chức năng, nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát các HĐTP của ngành Kiểm sát. Trước mắt, kiện toàn tổ chức và bộ máy làm việc của đơn vị, đảm bảo đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tăng biên chế từ 35 người như hiện nay lên 45 người, tăng số lượng Kiểm sát viên VKSND tối cao từ 11 người lên 15 người. Về lâu dài, theo Chiến lược cải cách tư pháp của Bộ Chính trị, mô hình tổ chức của ngành Kiểm sát theo mô hình Viện công tố, chỉ đạo hoạt động điều tra, cơ quan công tố được tăng quyền lực và chịu trách nhiệm về hoạt động điều tra. VKSND tối cao cần rà soát xác định rõ nhu cầu về biên chế và cơ cấu KSV, Kiểm tra viên của đơn

vị trực thuộc để quyết định giao biên chế cho phù hợp. Nhất là đối với loại án về xâm phạm HĐTP, nhu cầu về biên chế không chỉ được xác định trên cơ sở khối lượng công việc như: số lượng án thụ lý, giải quyết hàng năm mà phải còn được xác định căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của ngành về công tác kiểm sát các HĐTP, các nhiệm vụ chính trị khác thuộc phạm vi phải giải quyết của đơn vị.

Thứ hai, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, Kiểm sát viên.

Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các tội xâm phạm HĐTP là một trong các mặt công tác thuộc lĩnh vực THQCT và kiểm sát các HĐTP. Có thể nói, đây là một lĩnh vực hoạt động chủ yếu, then chốt của ngành Kiểm sát. Chất lượng hoạt động cũng như uy tín của VKS thể hiện trước hết và tập trung ở lĩnh vực công tác này. Do đó, đội ngũ cán bộ, KSV được bố trí làm công tác này phải là những người có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao.

Tuy nhiên, hiện nay đội ngũ cán bộ, KSV thuộc lĩnh vực công tác này còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, đúng như nhận định của Đảng ta là: "Công tác cán bộ của các cơ quan tư pháp chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình hiện nay. Đội ngũ cán bộ tư pháp còn thiếu về số lượng, yếu về trình độ và năng lực nghiệp vụ..." [2], hoặc như Báo cáo của Viện trưởng VKSND tối cao trước kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá XI là "chất lượng đội ngũ cán bộ, KSV hiện nay chưa ngang tầm với tiến trình cải cách tư pháp". Do đó, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, KSV của ngành Kiểm sát nói chung và của đơn vị làm công tác THQCT và kiểm sát điều tra các tội xâm phạm HĐTP nói riêng là một trong những đòi hỏi rất quan trọng và cấp bách hiện nay. Trong thời gian tới, VKSND tối cao cần thực hiện đồng bộ những giải pháp sau:

- Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, Kiểm tra viên, KSV đảm bảo số lượng, chất lượng; hàng năm rà soát, đánh giá, phân loại cán bộ, KSV để sắp xếp, bố trí đúng người, đúng việc nhằm phát huy hết năng lực, sở trường của từng cán bộ, KSV.

- Công tác quy hoạch cán bộ phải được làm thường xuyên và liên tục nhằm tạo nguồn cán bộ cho việc thực hiện nhiệm vụ trước mắt cũng như về lâu dài, đảm bảo tính liên tục, kế thừa, khắc phục tình trạng thiếu hụt, chắp vá. Xây dựng nguồn nhân lực tương lai cho ngành và thực sự trở thành những chuyên gia đầu ngành về THQCT và kiểm sát các HĐTP.

- Tiếp tục tăng cường quản lý chặt chẽ cán bộ, KSV, kịp thời phát hiện những

cán bộ, KSV có biểu hiện tiêu cực, vi phạm kỷ luật nghiệp vụ để uốn nắn và xử lý nhằm làm trong sạch bộ máy của VKSND tối cao.

- Bồi dưỡng nâng cao ý thức chính trị và phẩm chất đạo đức cho đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên VKSND tối cao.

Trong những năm qua, về cơ bản cán bộ, KSV của ngành Kiểm sát nói chung và VKSND tối cao nói riêng đều có lập trường chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, giữ vững tác phong người cán bộ Kiểm sát. Trước yêu cầu của cải cách tư pháp, việc nâng cao ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ tư pháp nói chung, đối với đội ngũ cán bộ, KSV nói riêng là hết sức cần thiết. Để nâng cao ý thức chính trị và phẩm chất đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp của cán bộ, Kiểm sát viên VKSND tối cao cần tổ chức các lớp học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin cho cán bộ, Đảng viên. Quán triệt nghiêm túc và sâu rộng các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, Quy định, Quy chế của ngành cụ thể hoá bằng nhiệm vụ phù hợp điều kiện thực tiễn của ngành. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 03 - CT/TW ngày 14-5-2011 của Bộ Chính trị. Lấy kết quả học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là một trong những tiêu chuẩn đánh giá, bình xét, phân loại cán bộ, KSV hàng năm.

- Bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, Kiểm sát viên VKSND tối cao.

Trong giai đoạn hiện nay toàn ngành Kiểm sát đang triển khai sâu rộng cuộc vận động xây dựng đội ngũ cán bộ, KSV “*Vững về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, công tâm và bản lĩnh, kỷ cương và trách nhiệm*”. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cần định hướng như sau:

Cán bộ, KSV phải nhận thức sâu sắc, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát để xác định rõ vị trí, vai trò của ngành trong mối quan hệ với các cơ quan tư pháp và trong bộ máy nhà nước; hiểu rõ bản chất, chức năng, nhiệm vụ THQCT và kiểm sát điều tra. Trên cơ sở đó mỗi cán bộ, KSV mới phát huy được tính độc lập, chủ động thực hiện chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định trong hoạt động THQCT và kiểm sát điều tra.

Cán bộ, KSV phải có kiến thức pháp lý sâu rộng, phải hiểu biết, nắm vững và áp

dụng đúng các quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế, các Quy chế nghiệp vụ của Ngành, nhất là các quy định của pháp luật trong lĩnh vực công tác được giao để giải quyết công việc được chính xác, có chất lượng, hiệu quả. Vận dụng linh hoạt, nhạy bén các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào thực tiễn hoạt động nghiệp vụ, đồng thời biết gắn nhiệm vụ công tác được giao với yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng. Có khả năng tham mưu, hướng dẫn pháp luật trong công tác, linh hoạt trong việc nắm bắt và xử lý các tình huống phát sinh, đặc biệt, phải có tư duy biện chứng, khả năng suy luận, tranh luận tốt với những người tiên hành tố tụng và người tham gia tố tụng.

Để cán bộ, KSV đạt được những yêu cầu trên, công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, KSV phải được thực hiện một cách toàn diện cả về mặt chính trị, phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tiễn. Xác định rõ yêu cầu, nhiệm vụ và mục tiêu đào tạo trong từng thời kỳ, từng giai đoạn, từng đối tượng cụ thể để xây dựng chương trình, kế hoạch và nội dung đào tạo cho sát hợp và có hiệu quả, khuyến khích cán bộ, KSV tự học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Mặt khác thực tế cho thấy việc học tập từ những thế hệ đi trước, sẽ giúp cho các cán bộ trẻ nhanh chóng thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ, phương pháp làm việc khoa học do được tiếp thu không chỉ lý luận mà còn là vận dụng thực tế vào từng tình huống nghiệp vụ cụ thể. Tổ chức thường xuyên, liên tục cuộc thi tuyển KSV giỏi, KSV tiêu biểu của ngành.

Thứ ba, đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo điều hành

Công tác chỉ đạo, điều hành được xem là một trong những mặt công tác trọng yếu trong việc đảm bảo thực thi các nhiệm vụ được giao. VKSND có đặc thù là tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung thống nhất, nên công tác quản lý, chỉ đạo điều hành trực tiếp làm ảnh hưởng đến việc thành công hay không thành công đối với các hoạt động công tác nói chung và hoạt động THQCT nói riêng. Do vậy VKSND tối cao cần tăng cường hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, thực hiện tốt một số nội dung sau:

- Trên cơ sở Chỉ thị, Kế hoạch công tác của Viện trưởng VKSND tối cao, Vụ 1A xây dựng Chương trình công tác kiểm sát hàng năm của đơn vị sao cho bám sát

vào Chỉ thị của Viện trưởng và phù hợp với thực tế đơn vị nhằm bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Lãnh đạo đơn vị và toàn thể cán bộ, KSV phải nhận thức và quán triệt sâu sắc các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của ngành theo đúng quy định tại Điều 8 Luật Tổ chức VKSND năm 2002, mọi hoạt động quản lý, chỉ đạo điều hành đều do Viện trưởng thống nhất chỉ đạo thực hiện. Để thực hiện có hiệu quả hoạt động này cần thực hiện nghiêm các Quy định, Quy chế của ngành, nhất là Quy chế về chế độ thông tin, báo cáo và quản lý công tác trong ngành Kiểm sát của Viện trưởng VKSND tối cao.

- Để thực việc quản lý, điều hành có hiệu quả đòi hỏi Vụ trưởng Vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án xâm phạm hoạt động tư pháp (Vụ 6) phải có sự phân công, phân nhiệm cho các Phó Vụ trưởng phụ trách, các Phòng thuộc Vụ và cho từng cán bộ, KSV trong đơn vị một cách hợp lý, nhằm phát huy năng lực sở trường của họ, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận công tác. Tránh trường hợp Lãnh đạo ôm đồm mọi việc, dẫn đến tình trạng các Phó phụ trách và KSV rơi vào thế bị động hoặc ỷ lại, thiếu tinh thần trách nhiệm, mất đi sự sáng tạo, nhạy cảm nghề nghiệp; hoặc ngược lại, Vụ trưởng “phó mặc” cho Phó Vụ trưởng phụ trách làm tất cả mọi việc do mình phụ trách, không kiểm tra, giám sát, ảnh hưởng tới chất lượng thực thành quyền công tố và kiểm sát điều tra của VKS. Do đó, trong tập thể lãnh đạo Vụ phải có sự phân công hợp lý, vừa bảo đảm sự kiểm tra, giám sát của Vụ trưởng, vừa đề cao tinh thần trách nhiệm và sự sáng tạo của các Phó Vụ trưởng và Kiểm sát viên.

- Công tác kiểm tra, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ phải được làm thường xuyên và liên tục. Thông qua công tác thống kê báo cáo và công tác kiểm tra nghiệp vụ, cần rút kinh nghiệm kịp thời, khắc phục vi phạm. Thực hiện chế độ giao ban định kỳ hàng tuần, tháng... qua đó, phát huy sức mạnh của tập thể trong việc thảo luận bàn biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực thi nhiệm vụ. Công tác THQCT là một lĩnh vực hoạt động rất quan trọng của đơn vị nghiệp vụ, của ngành Kiểm sát, vì vậy lãnh đạo Vụ cần phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hơn nữa để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực thi nhiệm vụ; kịp thời phát hiện những sai sót để chấn chỉnh; tìm ra những giải pháp, phương pháp phù hợp để nâng cao chất lượng công tác này.

3.2.2.4. Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho VKSND tối cao và hoàn thiện chế độ chính sách đối với cán bộ, Kiểm sát viên VKSND tối cao

Những năm qua Đảng và Nhà nước đã tăng cường lãnh đạo, quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc và phục vụ công tác; thực hiện nhiều chế độ, chính sách đối với cán bộ các cơ quan tư pháp. Tuy nhiên, so với yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và trong mối tương quan về mức sống với các ngành khác, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện làm việc của ngành Kiểm sát vẫn còn hạn chế; đời sống của cán bộ, KSV còn khó khăn. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị (khóa IX) về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã chỉ rõ:

Nhà nước bảo đảm điều kiện vật chất cho HĐTP phù hợp với đặc thù của từng cơ quan tư pháp và khả năng của đất nước... Từng bước xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan tư pháp khang trang hiện đại, đầy đủ tiện nghi; ưu tiên trang bị phương tiện phục vụ công tác điều tra, đấu tranh phòng chống tội phạm, công tác xét xử, công tác giám định tư pháp. Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan tư pháp...

Có chế độ, chính sách tiền lương, khen thưởng phù hợp với lao động của cán bộ tư pháp... [4].

Cần quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và hoàn thiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, KSV theo các hướng sau:

- Tăng cường hơn nữa nguồn kinh phí đảm bảo chi hoạt động của các đơn vị trong ngành Kiểm sát nói chung và Vụ 6 nói riêng, đặc biệt là kinh phí đảm bảo cho các hoạt động đặc thù phục vụ trực tiếp cho công tác chuyên môn nghiệp vụ, như máy ghi âm, ghi hình...

- Triển khai các Đề án về Công nghệ thông tin phục vụ công tác kiểm sát. VKSND tối cao cần xây dựng các phần mềm về quản lý, xử lý án hình sự, xây dựng kho dữ liệu về các đối tượng phạm tội trong cả nước để thuận lợi cho hoạt động quản lý, tra cứu của toàn ngành; cung cấp đầy đủ các văn bản pháp luật, tài liệu, sách báo có liên quan đến lĩnh vực pháp luật cho cán bộ, KSV nghiên cứu học tập và áp dụng vào giải quyết các vụ việc cụ thể.

- Nghiên cứu, mở rộng nguồn để bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp; tăng thời hạn bổ nhiệm hoặc thực hiện chế độ bổ nhiệm không có thời hạn để đảm bảo tính độc lập của HĐTP và đáp ứng yêu cầu điều động, luân chuyển cán bộ. Cải cách một bước

cơ bản chế độ tiền lương, phụ cấp và các chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, KSV để họ có điều kiện ổn định cuộc sống, yên tâm công tác, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

3.5. Nhóm các giải pháp khác

3.3.1. Hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và của nhân dân đối với hoạt động thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm hoạt động tư pháp của viện kiểm sát nhân dân tối cao

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chất vấn của đại biểu Quốc hội, đổi mới mạnh mẽ cơ chế và phương thức hoạt động, chất lượng đại biểu, theo đó những đại biểu theo cơ cấu thành phần xã hội cũng phải đạt tiêu chuẩn về trình độ học vấn và trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhất định mới được ứng cử làm đại biểu dân cử.

Có cơ chế, chính sách hợp lý để phát huy vai trò giám sát của cá nhân đại biểu Quốc hội đối với hoạt động của ngành Kiểm sát và các cơ quan tư pháp khác.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc trong việc giám sát đối với việc THQCT sẽ giúp VKSND tối cao không chỉ thực hiện tốt hơn nhiệm vụ của mình mà còn nắm bắt kịp thời nguyện vọng, phản ánh của nhân dân về hoạt động của các cơ quan tư pháp nói chung; ngoài ra phải thực hiện tốt công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP.

3.3.2. Nâng cao và phát huy vai trò của hoạt động bảo trợ tư pháp khác (Luật sư, Công chứng, Thừa phát lại, Cảnh sát hỗ trợ tư pháp) đáp ứng nhu cầu thực tiễn hoạt động tố tụng hình sự.

Hoàn thiện cơ chế giám định trong các lĩnh vực để xác định tính chất, mức độ thiệt hại làm căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự các đối tượng phạm tội. Có cơ chế giải quyết xung đột kết quả giám định giữa các kết luận giám định khác nhau. Nâng cao và phát huy hoạt động của luật sư cũng như hoạt động hỗ trợ tư pháp khác, góp phần đảm bảo chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao.

3.3.3. Mở rộng các hình thức truyền thông, báo chí, giáo dục, phổ biến chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước

VKSND tối cao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, đoàn thể có liên quan chỉ đạo tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm xâm phạm HĐTP nói riêng.

Tăng cường các bài viết về phòng, chống tội phạm trong các cơ quan tư pháp cũng như tội phạm do những người trong các cơ quan tư pháp gây ra, đưa thông tin trên các trang tin truyền thông của Ngành, qua báo chí, đài phát thanh, mạng internet.... Qua đó góp phần giáo dục ý thức pháp luật cho các tầng lớp nhân dân để họ nắm vững quyền và nghĩa vụ, nâng cao trách nhiệm công dân, từ đó tham gia tích cực, có hiệu quả vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm; góp phần đề cao ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, đảng viên trong các cơ quan tư pháp trong thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời qua đó VKS có thể quản lý kịp thời, đầy đủ tố giác, tin báo tội phạm, góp phần nâng cao chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các vụ án hình sự nói chung và THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở đánh giá một cách khách quan, toàn diện những hạn chế, tồn tại của chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các vụ án hình sự nói chung và chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao trong những năm gần đây; Trên cơ sở nhận thức chung về các yếu tố bảo đảm chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra của VKSND tối cao và phân tích về nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong lĩnh vực hoạt động này; tác giả đưa ra các giải pháp cụ thể nhằm bảo đảm việc THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam đạt hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay. Những giải pháp cơ bản được tác giả Luận văn đề cập, đó là: Nhóm giải pháp về hoàn thiện pháp luật hình sự và TTHS, Luật tổ chức VKSND; các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật; Nhóm giải pháp đối với ngành Kiểm sát, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; kiện toàn, đổi mới công tác tổ chức, cán bộ; nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức; tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, hoàn thiện chế độ chính sách đối với cán bộ, KSV; tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và kiểm tra trong ngành

Kiểm sát; tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa CQĐT (Cục 1) và Vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án hình sự về trật tự xã hội (Vụ 6) của VKSND tối cao trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm HĐTP và Nhóm các giải pháp khác.

KẾT LUẬN

Chất lượng thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam có vai trò quan trọng trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành Kiểm sát, góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa theo yêu cầu của cải cách tư pháp, chống bỏ lọt, chống oan sai, xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm HĐTP. Tuy nhiên quá trình thực hiện còn bộc lộ những vướng mắc cũng như hạn chế, thiếu sót dẫn đến hiệu quả đạt được chưa cao, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, song nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu, trong đó đáng chú ý là trình độ, năng lực chuyên môn và kiến thức pháp lý của một bộ phận không nhỏ cán bộ, KSV chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

Để khắc phục tình trạng trên, tác giả Luận văn đã sử dụng, kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học, tiếp thu những thành tựu của những người đi trước liên quan đến nội dung của Luận văn, so sánh và đối chiếu những tài liệu, sách chuyên khảo để phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP. Từ đó tác giả đề ra những giải pháp nhằm khắc phục và nâng cao chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam. Luận văn tập trung vào các vấn đề sau:

Phân tích làm rõ những cơ sở lý luận về THQCT, thực hành quyền công tố ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP và chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam.

Xây dựng những tiêu chí đánh giá chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam để làm cơ sở đánh giá thực trạng chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam trong phạm vi Luận văn nghiên cứu.

Phân tích thực trạng chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam trong 5 năm (từ năm 2009 đến năm 2013) và hiện nay. Tác giả đã chú ý phân tích, đánh giá những kết quả đã đạt được, những hạn

ché, tồn tại và nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại đó. Đồng thời đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đối với hoạt động này. Những giải pháp nâng cao chất lượng THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam gồm: Nhóm giải pháp về hoàn thiện pháp luật hình sự và TTHS, Luật tổ chức VKSND; các văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật; Nhóm giải pháp đối với ngành Kiểm sát, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; kiện toàn, đổi mới công tác tổ chức, cán bộ; nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức; tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, hoàn thiện chế độ chính sách đối với cán bộ, KSV; tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo điều hành và kiểm tra trong ngành Kiểm sát; tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa CQĐT (Cục 6) và Vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án hình sự về trật tự xã hội (Vụ 1A) của VKSND tối cao trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm HĐTP và Nhóm các giải pháp khác, đó là hoàn thiện cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và của nhân dân đối với hoạt động THQCT ở giai đoạn điều tra các tội xâm phạm HĐTP của VKSND tối cao ở Việt Nam; nâng cao và phát huy vai trò của hoạt động bảo trợ tư pháp khác (Luật sư, Công chứng, Thừa phát lại, Cảnh sát hỗ trợ tư pháp) đáp ứng nhu cầu thực tiễn hoạt động TTHS; mở rộng các hình thức truyền thông, báo chí, giáo dục, phổ biến chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước.

Những kết quả đã đạt được trong Luận văn cho thấy có sự nỗ lực, cố gắng của bản thân tác giả; sự giúp đỡ nghiêm túc và tinh thần đầy trách nhiệm của các thầy cô, các nhà khoa học, các đồng nghiệp thuộc VKSND tối cao và đặc biệt là sự giúp đỡ của thầy giáo, Tiến sĩ Trần Đình Thắng hướng dẫn khoa học cho tôi hoàn thành Luận văn này. Tuy nhiên, do điều kiện nghiên cứu và khả năng của bản thân tác giả nên Luận văn không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót nhất định. Tác giả Luận văn mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, các thầy giáo, cô giáo và các đồng nghiệp để Luận văn được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2000), *Chỉ thị 53 CT/TW ngày 21/03/2000 về một số công việc cấp bách của các cơ quan tư pháp cần thực hiện năm 2000*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị 48 CT/TW ngày 22/10/2010 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2010), *Kết luận số 79/KL/TW ngày 28/7/2010 về đổi mới tổ chức hoạt động của Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra*, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (2011), *Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Nghị quyết Trung ương 4 (khoá XI) về một số vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay*, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
11. Đại học Luật Hà Nội (2004), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
12. Lê Thị Tuyết Hoa (2002), *Quyền công tố ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
13. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2004), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Tập 1, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.

14. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Nhà nước và pháp luật (2009), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Pháp luật, pháp chế và sự vận dụng trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
15. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam (2011), *Từ điển bách khoa Việt Nam*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
16. Dương Xuân Khánh (2002), "Những yêu cầu và biện pháp để nâng cao trình độ và chất lượng cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân", *Tạp chí Kiểm sát*, (2).
17. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, Tập 5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
18. Nguyễn Vạn Nguyên (1997), *Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Trần Đình Nhã (1995), *Về đổi mới tổ chức cơ quan điều tra- Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của TTHS Việt Nam của Viện khoa học kiểm sát, VKSND tối cao, Kỹ yếu đề tài khoa học cấp Bộ*, Hà Nội.
20. Đinh Văn Quế (2002), *Bình luận khoa học - Bộ luật hình sự phần các tội phạm, tập X - Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
21. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2002), *Luật tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân (1960, 1981, 1993)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Bộ luật Tố tụng Hình sự*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
23. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Bộ Luật Hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Hình sự 2010*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Nghị quyết số 37/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội về công tác phòng chống vi phạm pháp luật và tội phạm, công tác của VKSND, của Tòa án nhân dân và công tác thi hành án năm 2013*, Hà Nội.
25. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), "Hiến pháp 2013", *Cổng thông tin điện tử CSDLVBQPPL*, Bộ Tư pháp, Hà Nội.

26. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Nghị quyết số 63/2013/QH13 ngày 27/11/2013 của Quốc hội về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm*, Hà Nội.
27. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *5 bản Hiến pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Lê Hữu Thế (Chủ nhiệm) (1999), *Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực tiễn hoạt động công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay*, Tổng thuật đề tài cấp bộ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
29. Lê Hữu Thế (2005), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
30. Nguyễn Thị Thủy (2012), "Sửa đổi, bổ sung BTTHS nhằm thực hiện chủ trương của Đảng "Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, thực hiện cơ chế công tố gắn với điều tra"", *Tạp chí Kiểm sát*, (21).
31. Trung tâm Từ điển học (2000), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
32. Trường Cao đẳng Kiểm sát (1998), *Thực trạng các tội xâm phạm hoạt động tư pháp và trách nhiệm của VKSND các cấp trong cuộc đấu tranh chống các tội phạm này*, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Hà Nội.
33. Trường Đại học luật Hà Nội (2008), *Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Hà Nội.
34. Trường Đại học quốc gia Hà Nội - Khoa luật (2001), *Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
35. *Từ điển Tiếng Việt* (2004), Nxb Đà Nẵng.
36. *Từ điển luật học* (2006), Nxb Từ điển bách khoa - Nxb Tư pháp, Hà Nội.
37. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự*, Hà Nội.
38. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2011), *Pháp lệnh Kiểm sát viên năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2011)*, Hà Nội.
39. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (1997), *Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp*, Chuyên đề khoa học, Hà Nội.

40. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2002), "Những vấn đề lý luận về quyền công tố và thực hành quyền công tố ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay", *Thông tin khoa học pháp lý*, (Số chuyên đề).

41. Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công An - Bộ Quốc Phòng (2005), *Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-VKSTC-BCA-BQP ngày 7/9/2005, về quan hệ phối hợp giữa cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.

42. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2010), *Quy chế tổ chức và hoạt động của Cục Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (Ban hành kèm theo Quyết định số 1169/2010/QĐ-VKSTC-C6 ngày 19/8/2010 của Viện trưởng VKSNDTC)*, Hà Nội.

43. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2011), *Quy chế tổ chức và hoạt động của Vụ Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án hình sự về trật tự xã hội (Ban hành kèm theo Quyết định số 1149/2010/QĐ-VKSTC ngày 1/9/2010 của Viện trưởng VKSNDTC) và Quy chế sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra án hình sự về trật tự xã hội (Ban hành kèm theo Quyết định số 336/QĐ-VKSTC ngày 5/9/2011 của Viện trưởng VKSNDTC)*, Hà Nội.

44. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Hệ thống chỉ tiêu cơ bản đánh giá kết quả công tác nghiệp vụ trong ngành Kiểm sát nhân dân, ban hành kèm theo Quyết định số 297/QĐ-VKSTC ngày 13/6/2012 của VKSND tối cao*, Hà Nội.

45. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *Quy định số 02/VKSTC/C6-VIA Về quan hệ phối hợp giữa Cục Điều tra với Vụ 1A VKSND tối cao trong việc tiếp nhận, giải quyết, kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và điều tra, truy tố các vụ án hình sự*, Hà Nội.

46. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Chỉ thị số 06/CT-VKSTC ngày 06/12/2013 của Viện trưởng VKSND tối cao Về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm*, Hà Nội.

47. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo công tác tổ chức cán bộ Vụ 1A, VKSND tối cao từ năm 2009 - 2013*, Hà Nội.

48. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo tổng kết công tác kiểm sát từ năm 2009- 2013*, Hà Nội.

49. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo thống kê, Cục TKTP & CNTT từ năm 2009 - 2013*, Hà Nội.

50. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo tổng kết công tác của Cục Điều tra, VKSND tối cao từ năm 2009 -2013*, Hà Nội.

51. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo tổng kết công tác của Vụ 1A, VKSND tối cao từ năm 2009- 2013*, Hà Nội.

52. Viện Khoa học kiểm sát - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (2006), *Sổ tay KSV hình sự*, Tập 1, Hà Nội.